

Số: 13/NQ-ĐHĐCĐ-2018

Ninh Bình, ngày 24 tháng 04 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA NGÀY 24/4/2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước CHXHCN Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ngày 26/4/2016;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama họp phiên thường niên 2018 ngày 24/4/2018 tại Ninh Bình. Tham dự gồm có 39 Cổ đông và đại diện cổ đông sở hữu 2.378.232 cổ phần chiếm 72,837 % vốn điều lệ công ty.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018

Đại hội thông qua với tỷ lệ 99,8 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp đối với Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD và đầu tư năm 2017, Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2018, như sau:

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 với các chỉ tiêu chính:

- Doanh thu : 199,77 tỷ đồng, đạt 100,7% kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN : 1,63 tỷ đồng, đạt 108,6% kế hoạch.
- Vốn điều lệ : 32,65 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách : 11,98 tỷ đồng, đạt 159,7% kế hoạch.

b) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu chính:

- Doanh thu : 201,73 tỷ đồng = 100,9 % so với năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 1,80 tỷ đồng = 110,4 % so với năm 2017.
- Vốn điều lệ : 32,65 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách : 9,00 tỷ đồng = 75,1% so với năm 2017.
- Chia cổ tức : 0 %.
- Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm phương tiện thiết bị : 6,2 tỷ đồng.

c) Chủ trương thực hiện các dự án đầu tư 2018:

Giao HĐQT lập dự án, xem xét khả năng đáp ứng vốn và tình hình sản xuất kinh doanh để quyết định mức độ đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm phương tiện thiết bị phục vụ sản xuất thi công một cách phù hợp.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đại hội thông qua với tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp đối với Báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 và các kế hoạch, định hướng năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2017

Đại hội thông qua với tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp đối với Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 và tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2017, như sau:

- a) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 với một số chỉ tiêu:
- Tổng cộng nguồn vốn : 208.520.040.137 đồng.
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 199.776.252.696 đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế : 1.630.918.439 đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế : 1.292.816.414 đồng.
 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu : 335 đồng/cổ phiếu.

b) Phân phối lợi nhuận năm 2017, như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2017	1.630.918.439
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp 2017	338.102.025
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2017 (3 = 1-2)	1.292.816.414
4	Các khoản làm giảm lợi nhuận	
5	Lợi nhuận các năm trước chuyển sang	709.284.863
6	Lợi nhuận còn lại (6=3-4+5)	2.002.101.277
7	Phương án phân phối lợi nhuận	0
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2018	2.002.101.277

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát

Đại hội thông qua với tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp đối với Báo cáo hoạt động năm 2017 và kế hoạch công tác năm 2018 của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 5. Thông qua việc chi trả tiền lương và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị

Đại hội thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp đối với Tờ trình về chi trả tiền lương và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT. Cụ thể như sau:

1. Tiền lương thù lao năm 2017: Tổng tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng BKS chuyên trách và thù lao kiêm nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiêm nhiệm thành viên Ban kiểm soát, kiêm nhiệm Thư ký HĐQT (09 người) là : 572.216.472 đồng.

2. Tiền lương và thù lao năm 2018 như sau:

a) Tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách:

ĐVT: Đồng/năm

1.	Lê Hữu Điều	Chủ tịch HĐQT	297.600.000	Lương chuyên trách
2.	Nguyễn Thị Hồng Tân	Trưởng BKS	126.000.000	Lương chuyên trách
	Cộng (a):		423.600.000	

b) Thủ lao kiêm nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Thư ký:

1.	Nguyễn Văn Triệu	Thành viên HĐQT	24.000.000	Kiểm Tổng giám đốc
2.	Nguyễn Mạnh Hương	Thành viên HĐQT	24.000.000	Kiểm Kế toán trưởng
3.	Nguyễn Tất Linh	Thành viên HĐQT	24.000.000	Kiểm nhiệm
4.	Vũ Sơn Lâm	Thành viên HĐQT	24.000.000	Kiểm nhiệm
5.	Phạm Mạnh Đức	Kiểm soát viên	18.000.000	
6.	Lê Tuấn Minh	Kiểm soát viên	18.000.000	Kiểm nhiệm
7.	Văn Việt Hưng	Thư ký	18.000.000	Kiểm nhiệm
	Cộng (b):		150.000.000	

Tổng cộng (a + b) : 573.600.000 đồng/năm

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Thư ký ngoài thủ lao kiêm nhiệm nói trên, khi làm việc tại Công ty được hưởng lương theo Quy chế trả lương của Công ty.

Trường hợp có thành viên HĐQT, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty sẽ được trả lương chuyên trách theo Quy chế trả lương của Công ty.

Trường hợp có sự thay đổi nhân sự HĐQT, BKS, Thư ký thì nhân sự thay đổi được hưởng lương và thủ lao tương ứng theo chức danh được bổ nhiệm.

Thuế thu nhập cá nhân (nếu có) do cá nhân nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018

Đại hội thông qua với tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp các tiêu chí để lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một (01) trong ba (03) đơn vị kiểm toán cụ thể dưới đây để thực hiện việc kiểm toán, soát xét các Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama:

- (1) Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).
- (2) Công ty TNHH kiểm toán VACO.
- (3) Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ công ty

Đại hội thông qua với tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ 2016 và Ban hành mới Điều lệ 2018 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và dựa trên Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng, ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 8. Thông qua việc sửa ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Đại hội thông qua với tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp việc Ban hành Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và dựa trên Phụ lục số 02 - Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty cổ phần, ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 9. Thông qua Nội dung điều chỉnh, bổ sung “Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025”.

Đại hội thông qua với tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp: Nội dung điều chỉnh, bổ sung “Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025” phù hợp với những thay đổi trong tình hình mới theo chủ trương, định hướng chiến lược của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, nhằm nâng cao năng lực, sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama.

Điều 10. Tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama đã được các cổ đông tham dự nhất trí thông qua vào hồi 11:00 ngày 24/4/2018.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Công bố thông tin;
- HĐQT, BKS, BGD;
- UBCKNN, SGDCCKHN;
- Lưu HĐQT.

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Lê Hữu Điều

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
NGÀY 24/4/2018



Thời gian: Từ 08:30, thứ ba, ngày 24 tháng 4 năm 2018.

Địa điểm: Hội trường tầng 1 – Khách sạn Hoàng Sơn – Đường Trịnh Tú, Phường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama (Số đăng ký kinh doanh 2700224390 - Mã chứng khoán L35 – Trụ sở chính: 72 E đường Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình) đã tiến hành phiên họp thường niên lần thứ 12, năm 2018.

I - THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Thành phần và điều kiện tiến hành Đại hội:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 3.265.155 cổ phần.
- Số cổ đông/đại diện cổ đông có mặt họp lệ: 39 người, nắm giữ 2.378.232 cổ phần, bằng 72,837 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (Chi tiết Danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp theo Phụ lục đính kèm)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ ngày 26/4/2016 thì Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama đủ điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

2. Đại hội thống nhất 100% thông qua Đoàn chủ tịch gồm:

- Ông Lê Hữu Điều - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa.
- Ông Nguyễn Văn Triều – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.
- Ông Nguyễn Mạnh Hương – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng.
- Ông Nguyễn Tất Linh – Thành viên HĐQT.
- Ông Vũ Sơn Lâm – Thành viên HĐQT.

3. Đại hội thống nhất 100% thông qua Thư ký Đại hội, gồm:

- Ông Văn Việt Hưng - Thư ký HĐQT.

4. Đại hội thống nhất 100% thông qua Ban kiểm phiếu:

- Ông Nguyễn Giang Nam – Cổ đông.
- Bà Trần Thị Minh Phượng – Cổ đông.
- Ông Nguyễn Văn Mong – Cổ đông.

II - CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

Đại hội thống nhất 100% thông qua Chương trình Đại hội gồm các nội dung sau:

- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD và Đầu tư năm 2017, Kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2018.
- Báo cáo của Hội đồng quản trị.

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2017.
- Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2017.
- Báo cáo của Ban kiểm soát.
- Tờ trình của HĐQT về thù lao và tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT – Người phụ trách quản trị Công ty.
- Tờ trình của BKS về lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.
- Thông qua Điều lệ 2018 và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty 2018.
- Thông qua điều chỉnh, bổ sung Đề án Tái cấu trúc Công ty.

III - NỘI DUNG ĐẠI HỘI, THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018.

a) Ông Nguyễn Văn Triều – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty trình bày Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD và Đầu tư năm 2017, Kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2018 với các nội dung chính như sau:

- Kết quả SXKD năm 2017, với các chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	198,33	199,77	100,7%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	1,50	1,63	108,6%
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	32,65	32,65	100,0%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	7,5	11,98	159,7%

- Kế hoạch SXKD năm 2018, với các chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ
1	Doanh thu	Tỷ đồng	199,77	201,73	100,9%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,63	1,80	110,4%
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	32,65	32,65	100%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	11,98	9,00	75,1%
5	Chia cổ tức	%	0	0	
6	Đầu tư XDCB và mua sắm phương tiện thiết bị	Tỷ đồng	0	6,20	

- Tình hình đầu tư năm 2017:

Căn cứ tình hình SXKD trong năm 2017 và nhu cầu thi công thực tế tại các công trình/dự án, trong năm 2017 Công ty không triển khai thực hiện việc đầu tư mua sắm phương tiện thiết bị.

- Chủ trương đầu tư năm 2018:

Giao HĐQT lập dự án, xem xét khả năng đáp ứng vốn và tình hình sản xuất kinh doanh để quyết định mức độ đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm phương tiện thiết bị phục vụ sản xuất thi công một cách phù hợp.

b) ĐHĐCĐ đã thảo luận và biểu quyết thông qua.

* Thảo luận:

- Cổ đông 1 có ý kiến: Về cổ tức, đề nghị HĐQT giải trình việc không chia cổ tức năm 2017 và 2018 trong khi công ty vẫn đảm bảo các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận? Đồng thời có ý kiến về việc Tổng giám đốc không có cổ phần sở hữu cá nhân, có thể sẽ ảnh hưởng đến trách nhiệm của Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động của công ty.

- Chủ tịch HĐQT giải trình: Mặc dù chỉ tiêu LNST của công ty năm 2017 hoàn thành kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, do tác động của Nghị định 20/2017/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết: Hiện tại, Nhà nước vẫn chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể về việc công ty có thuộc diện bị áp dụng Nghị định 20/2017/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết hay không. Nên công ty chưa xác định được cụ thể số tiền nộp thuế phát sinh trong trường hợp công ty phải áp dụng Nghị định 20/2017/NĐ-CP. Do đó, HĐQT trình ĐHĐCĐ tạm thời chưa phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2017 và 2018.

- Tổng giám đốc Công ty giải trình: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty thì không có quy định nào bắt buộc Tổng giám đốc phải sở hữu cá nhân cổ phần của Công ty. Do vậy, việc mua và nắm giữ cổ phần của Tổng giám đốc do cá nhân tự quyết định phụ thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh của cá nhân.

Tổng giám đốc khẳng định, việc sở hữu hay không sở hữu cổ phần công ty không ảnh hưởng đến trách nhiệm, nghĩa vụ của TGD trong việc điều hành hoạt động Công ty. Tổng giám đốc hiện được ủy quyền nắm giữ 16% vốn điều lệ Công ty theo Hợp đồng ủy quyền của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP. Năm 2017, TGD đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo Điều lệ và các quy định của Pháp luật. Việc đánh giá trách nhiệm thực thi nhiệm vụ quyền hạn của Tổng giám đốc đã được HĐQT thực hiện theo quy định hiện hành.

* Kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành : 2.373.472 phiếu, bằng 99,8% tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu phản đối: 4.760 phiếu, bằng 0,2 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

a) Ông Lê Hữu Điều – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, với các nội dung chính sau đây:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2017;

- Hoạt động, thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT năm 2017 và Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018;

- Tổng kết cuộc họp và các quyết định của HĐQT;

- Kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác;

- Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2018.

b) ĐHĐCĐ đã thảo luận và biểu quyết thông qua. Kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành : 2.373.472 phiếu, bằng 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu phản đối: 0 phiếu, bằng 0 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

(Cổ đông Đại diện sở hữu 4.760 cổ phần, không tiếp tục tham dự Đại hội và từ chối biểu quyết các vấn đề liên quan, theo Quy chế Đại hội đã được thông qua: ĐH không tính số cổ phần của cổ đông đó trong tỷ lệ biểu quyết của Đại hội).

3. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017, Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017.

a) Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Kế toán trưởng - trình bày Tờ trình của HĐQT về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 và Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2017, với nội dung chính như sau:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 với một số chỉ tiêu:

+ Tổng cộng nguồn vốn	: 208.520.040.137 đồng.
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	: 199.776.252.696 đồng.
+ Lợi nhuận trước thuế	: 1.630.918.439 đồng.
+ Lợi nhuận sau thuế	: 1.292.816.414 đồng.
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	: 335 đồng/cổ phiếu.

- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2017	1.630.918.439
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp 2017	338.102.025
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2017 (3 = 1-2)	1.292.816.414
4	Các khoản làm giảm lợi nhuận	
5	Lợi nhuận các năm trước chuyển sang	709.284.863
6	Lợi nhuận còn lại (6=3-4+5)	2.002.101.277
7	Phương án phân phối lợi nhuận	0
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2018	2.002.101.277

b) ĐHĐCĐ đã thảo luận và biểu quyết thông qua. Kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành : 2.373.472 phiếu, bằng 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu phản đối: 0 phiếu, bằng 0 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát

a) Bà Nguyễn Thị Hồng Tân – Trưởng Ban kiểm soát trình bày báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017, với các nội dung chính sau đây:

- Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2017.

- Kết quả giám sát tình hình tài chính năm 2017.

- Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị; Tổng giám đốc và cổ đông.

- Hoạt động, thủ lao và tổng kết nghị quyết của Ban kiểm soát trong năm 2017.

- Kiến nghị của Ban kiểm soát.

- Kế hoạch công tác năm 2018 của Ban kiểm soát.

b) ĐHĐCĐ đã thảo luận và biểu quyết thông qua. Kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành : 2.373.472 phiếu, bằng 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu phản đối: 0 phiếu, bằng 0 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

5. Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc chi trả thù lao và tiền lương cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty.

a) Ông Nguyễn Tất Linh – Thành viên HĐQT đọc Tờ trình của HĐQT về việc chi trả thù lao và tiền lương cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký với các nội dung chính sau đây:

* Tiền lương thù lao năm 2017: Tổng tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng BKS chuyên trách và thù lao kiêm nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, kiêm nhiệm thành viên Ban kiểm soát, kiêm nhiệm Thư ký HĐQT (09 người) là : 572.216.472 đồng.

* Tiền lương và thù lao năm 2018 như sau:

- Tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách:

ĐVT: Đồng/năm

1.	Lê Hữu Điều	Chủ tịch HĐQT	297.600.000	Lương chuyên trách
2.	Nguyễn Thị Hồng Tân	Trưởng BKS	126.000.000	Lương chuyên trách
	Cộng (a):		423.600.000	

- Thù lao kiêm nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Thư ký:

1.	Nguyễn Văn Triều	Thành viên HĐQT	24.000.000	Kiểm Tổng giám đốc
2.	Nguyễn Mạnh Hương	Thành viên HĐQT	24.000.000	Kiểm Kế toán trưởng
3.	Nguyễn Tất Linh	Thành viên HĐQT	24.000.000	Kiểm nhiệm
4.	Vũ Sơn Lâm	Thành viên HĐQT	24.000.000	Kiểm nhiệm
5.	Phạm Mạnh Đức	Thành viên BKS	18.000.000	
6.	Lê Tuấn Minh	Thành viên BKS	18.000.000	Kiểm nhiệm
7.	Văn Việt Hưng	Thư ký	18.000.000	Kiểm nhiệm
	Cộng (b):		150.000.000	

Tổng cộng (a + b) : 573.600.000 đồng/năm

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Thư ký ngoài thù lao kiêm nhiệm nói trên, khi làm việc tại Công ty được hưởng lương theo Quy chế trả lương của Công ty.

Trưởng hợp có thành viên HĐQT, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty sẽ được trả lương chuyên trách theo Quy chế trả lương của Công ty.

Trường hợp có sự thay đổi nhân sự HĐQT, BKS, Thư ký thì nhân sự thay đổi được hưởng lương và thù lao tương ứng theo chức danh được bổ nhiệm.

b) ĐHĐCĐ đã thảo luận và biểu quyết thông qua. Kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành : 2.373.472 phiếu, bằng 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu phản đối: 0 phiếu, bằng 0 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

6. Thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018.

a) Bà Nguyễn Thị Hồng Tân – Trưởng Ban kiểm soát đọc Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018 của Công ty, cụ thể như sau:

- Đơn vị kiểm toán và soát xét các BCTC năm 2018 của Công ty cổ phần cơ khí lắp máy Lilama phải đáp ứng được các tiêu chí sau:

+ Là một trong những đơn vị kiểm toán hoạt động tại Việt Nam được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán.

+ Có danh tiếng và uy tín để tăng cường mức độ tín nhiệm và tin tưởng đối với người đọc BCTC của Công ty, đặc biệt đối với các đối tác là tổ chức trong và ngoài nước.

+ Chi phí kiểm toán hợp lý.

- Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

+ Thông qua các tiêu chí tại Mục 1, làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các BCTC trong năm 2018 của Công ty.

+ Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn một (01) trong các đơn vị kiểm toán độc lập dưới đây, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trên, để kiểm toán và soát xét các BCTC trong năm tài chính 2018 của Công ty. Cụ thể:

(1) - Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)

(2) - Công ty TNHH kiểm toán VACO

(3) - Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

b) ĐHĐCĐ đã thảo luận và biểu quyết thông qua. Kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành : 2.373.472 phiếu, bằng 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu phản đối: 0 phiếu, bằng 0 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

7. Thông qua Điều lệ công ty sửa đổi 2018

a) Ông Nguyễn Văn Triều đọc Tờ trình của HĐQT về việc thông qua Điều lệ công ty sửa đổi 2018 với nội dung chính:

- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama và Ban hành mới Điều lệ 2018 theo dự thảo đính kèm. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và dựa trên Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng, ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính.

Các nội dung sửa đổi so với Điều lệ hiện hành (2016) chủ yếu do các quy định mới tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017. Ngoài ra, dự thảo Điều lệ 2018 có điều chỉnh hợp lý hơn trong cơ cấu các điều khoản và trong cách diễn đạt.

b) ĐHĐCĐ đã thảo luận và biểu quyết thông qua. Kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành : 2.373.472 phiếu, bằng 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu phản đối: 0 phiếu, bằng 0 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

8. Thông qua Quy chế quản trị Công ty

a) Ông Vũ Sơn Lâm đọc Tờ trình của HĐQT về việc ban hành Quy chế quản trị công ty với nội dung chính:

- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và ban hành Quy chế quản trị Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama theo dự thảo đính kèm.

- Dự thảo Quy chế quản trị công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama được xây dựng phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và dựa trên Phụ lục số 02 – Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty cổ phần, ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính.

b) ĐHĐCĐ đã thảo luận và biểu quyết thông qua. Kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành : 2.373.472 phiếu, bằng 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu phản đối: 0 phiếu, bằng 0 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

9. Thông qua Nội dung điều chỉnh, bổ sung “Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025”.

a) Ông Nguyễn Mạnh Hương đọc Tờ trình của HĐQT về việc Thông qua Nội dung bổ sung, điều chỉnh “Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama” với nội dung chính:

- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Nội dung điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2025 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-ĐHĐCĐ-2016 ngày 26/04/2016.

- Việc điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cấu trúc Công ty phù hợp với những thay đổi trong tình hình mới theo chủ trương, định hướng chiến lược của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, nhằm nâng cao năng lực, sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama.

b) ĐHĐCĐ đã thảo luận và biểu quyết thông qua. Kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành : 2.373.472 phiếu, bằng 100 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu phản đối: 0 phiếu, bằng 0 % tổng số cổ phần của các cổ đông dự họp.

IV - THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Đại hội đồng cổ đông nhất trí giao cho Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện các nội dung trên, báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp thường niên kế tiếp.

Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama lập xong hồi 10:55 ngày 24/4/2018, đã được Thư ký Đại hội ghi và đọc lại cho toàn thể cổ đông có mặt cùng nghe.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết nhất trí 100 % thông qua toàn văn nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội.


Chủ tọa và Thư ký đại hội liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản họp này.


Biên bản này được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

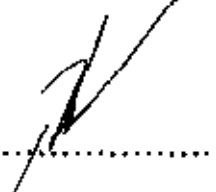
Đại hội kết thúc vào hồi 11:00 cùng ngày.

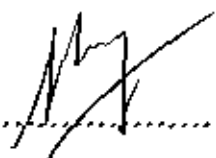
THƯ KÝ ĐẠI HỘI


CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

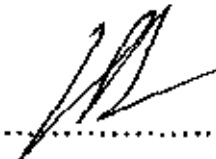
Văn Việt Hưng 

Chủ tọa: Lê Hữu Điều 

Nguyễn Văn Triều 

Nguyễn Mạnh Hương 

Nguyễn Tất Linh 

Vũ Sơn Lâm 



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
LILAMA ERECTION MECHANICAL JSC
Địa chỉ: Số 72E, Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình
Tel: (84) 02293.871125 – Fax: (84) 02293.873.074
Website: www.lilamaemc.com.vn



Ninh Bình, ngày 24 tháng 04 năm 2018

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018



Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama;

Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 - Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama, gồm có: Chương trình Đại hội, thời gian - địa điểm tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tọa, Thư ký, Ban kiểm phiếu, cổ đông và các quy định khác của Đại hội.

I - THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC

1. **Thời gian:** 1/2 ngày, bắt đầu từ 8:00 ngày 24/4/2018.

2. **Địa điểm:** Khách sạn Hoàng Sơn – Đường Trịnh Tú, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

II - CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

Nội dung trong chương trình làm việc của Đại hội gồm có:

- (1) - Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD và Đầu tư năm 2017;
- Kế hoạch SXKD và Đầu tư 2018;
- (2) - Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- (3) - Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017;
- (4) - Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017;
- (5) - Báo cáo của hoạt động của Ban kiểm soát;
- (6) - Thông qua thù lao HĐQT, BKS và thư ký năm 2018;
- (7) - Tờ trình của BKS về lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018;
- (8) - Thông qua Điều lệ Công ty năm 2018;
- (9) - Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty 2018;
- (10) - Thông qua Điều chỉnh bổ sung “Đề án Tái cấu trúc Công ty”;
- (11) - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (nếu có)

III - ĐĂNG KÝ DỰ HỌP

- Tất cả cổ đông đều được quyền đăng ký hoặc ủy quyền cho người khác tham dự trước khi khai mạc Đại hội và kể cả trong thời gian diễn ra Đại hội. Việc đăng ký/ủy quyền thực hiện theo mẫu do Ban tổ chức phát hành.

- Trước ngày khai mạc Ban tổ chức tiến hành cho cổ đông đăng ký/ủy quyền dự họp. Để làm tốt công tác chuẩn bị, Cổ đông gửi đăng ký/ủy quyền cho Ban tổ chức trước 17:00 ngày 20/04/2018 theo Thông báo mời họp của Hội đồng quản trị (qua Bưu điện hoặc Fax hoặc Email). Bản chính các biểu mẫu nêu trên phải được cung cấp cho Ban tổ chức khi cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội.

IV - CHỦ TOẠ, THƯ KÝ, BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG, BAN KIỂM PHIẾU VÀ BẦU CỬ

1. Chủ tọa Đại hội: Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa đại hội, Chủ tịch HĐQT mời các thành viên HĐQT tham gia Đoàn chủ tọa và có nhiệm vụ:

- Điều hành và thực hiện chương trình làm việc đã được Đại hội thông qua.
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, biểu quyết các vấn đề trong Chương trình Đại hội, tổ chức Bầu cử và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong Đại hội.

2. Thư ký Đại hội: Gồm 01 người do chủ tọa chỉ định, có nhiệm vụ:

- Lập biên bản Đại hội và Dự thảo Nghị quyết của Đại hội.
- Ghi chép đầy đủ, trung thực diễn biến Đại hội, các ý kiến đóng góp tại Đại hội, ý kiến tổng kết của Chủ tọa Đại hội.

3. Ban Thẩm tra tư cách cổ đông : Là Ban kiểm soát công ty, tiến hành kiểm tra tư cách cổ đông dự họp và các điều kiện để tổ chức Đại hội; báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tổ chức trước khi khai mạc Đại hội.

4. Ban kiểm phiếu: Gồm 03 người, do Đại hội bầu ra để giúp Đại hội kiểm tra kết quả biểu quyết.

V - CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, PHÁT BIỂU TRONG ĐẠI HỘI

- Cổ đông muốn phát biểu phải đăng ký với Chủ tọa, Chủ tọa bố trí để cổ đông được phát biểu ý kiến của mình.

- Những ý kiến của Cổ đông bằng văn bản gửi đến Chủ tọa có giá trị như bài phát biểu trực tiếp tại Đại hội.

- Cổ đông dự Đại hội phải tuân thủ nguyên tắc thông tin của Đại hội, không được phát ngôn trái với quy chế của Đại hội. Không được lưu hành những tài liệu không do Ban tổ chức phát hành.

VI - THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- Tất cả các vấn đề cần thông qua Đại hội đồng cổ đông đều được tiến hành bằng cách biểu quyết công khai, trực tiếp bằng "Thẻ biểu quyết".

2439
GTY
PH
LẬP M
AMA
- T. N

- Mỗi cổ đông sẽ được phát 01 “Thẻ biểu quyết” khi đăng ký tham dự Đại hội. “Thẻ biểu quyết” được in thống nhất, có ghi tên cổ đông, số cổ phần tương ứng với số phiếu biểu quyết của từng cổ đông, có đóng dấu của Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama.

- Cổ đông có quyền được bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Yêu cầu và ý kiến biểu quyết bằng thư bảo đảm được Chủ tọa công bố tại đại hội.

2. Cách biểu quyết:

- Theo điều hành của Chủ tọa, với nội dung được yêu cầu biểu quyết, cổ đông “Tán thành” hoặc “Phản đối” bằng cách giơ “Thẻ biểu quyết”. Cổ đông không giơ “Thẻ biểu quyết” được xem như “bỏ phiếu trắng”. Trong lúc biểu quyết, cổ đông ra ngoài (hoặc không tiếp tục dự Đại hội) được xem như từ chối biểu quyết, nội dung căn biểu quyết, ĐH không tính số cổ phần của cổ đông đó trong tỷ lệ biểu quyết của Đại hội.

- Kết quả biểu quyết được Chủ tọa thông báo ngay sau khi kiểm tra ý kiến biểu quyết của Đại hội. Nếu không nhất trí với ý kiến tổng kết của Chủ tọa, cổ đông phải có ý kiến ngay để tiến hành kiểm tra lại kết quả biểu quyết.

VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Biên bản Đại hội:

Tất cả nội dung và diễn biến Đại hội được Thư ký Đại hội ghi chép, lập thành Biên bản và được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội.

2. Nghị quyết Đại hội:

Căn cứ Biên bản Đại hội và kết quả Đại hội, Chủ tọa Đại hội ra Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 về các vấn đề đã được thông qua;

3. Thông qua và công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội:

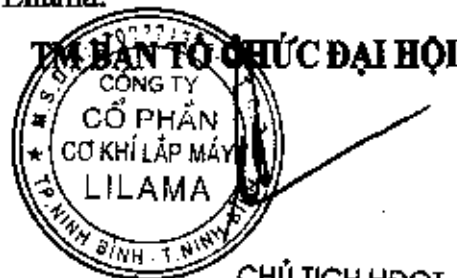
Biên bản, Nghị quyết Đại hội phải được thông qua Đại hội đồng cổ đông trước khi Bế mạc Đại hội.

Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ, các tài liệu có liên quan khác trong cuộc họp ĐHĐCĐ được công bố thông tin và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Cổ đông, thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

VIII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy chế này có hiệu lực khi Đại hội thông qua và được áp dụng thống nhất trong quá trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 ngày 24/04/2018 của Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama.



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Hữu Diệu

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**

TT	Họ và tên	CMND	Đại diện sở hữu cổ phần của LILAMA	Cổ phần sở hữu cá nhân	Cổ phần được ủy quyền	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ % yón điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	
1	Lê Hữu Điều	142499594	653,031	27,243	318,335	998,609	30.584	41.923	
2	Nguyễn Mạnh Hương	B6805462	489,773		7,380	497,153	15.226	20.871	
3	Nguyễn Văn Triều	013250611	522,425			522,425	16.000	21.932	
4	Nguyễn Tất Linh	164555752		14,670		14,670	0.449	0.616	
5	Vũ Sơn Lâm	0360730011964		2,060	3,115	5,175	0.158	0.217	
6	Nguyễn Thị Hồng Tân	162092778		13,100		13,100	0.401	0.550	
7	Lê Tuấn Minh	151056117		99,761		99,761	3.055	4.188	
8	Phạm Mạnh Đức	013457409		0	500	500	0.015	0.021	
9	Nguyễn Văn Mong	161346197		2,005		2,005	0.061	0.084	
10	Đỗ Mạnh Thành	164110611		0	1,000	1,000	0.031	0.042	
11	Trần Thị Minh Phượng	164073902		495		495	0.015	0.021	
12	Văn Việt Hưng	042082000120		35	360	395	0.012	0.017	
13	Bùi Sỹ Chiến	031171267		10,500		10,500	0.322	0.441	
14	Nguyễn Văn Huân	164135276		18,365		18,365	0.562	0.771	
15	Nguyễn Thanh Quang	141756980		0	77,679	77,679	2.379	3.261	
16	Nguyễn Giang Nam	164086753		6,060		6,060	0.186	0.254	
17	Hoàng Thế Bình	182157555		0	6,300	6,300	0.193	0.264	
18	Đoàn Văn Lai	160108821		9,750		9,750	0.299	0.409	
19	Phạm Thị Hương	162021379		310	10,000	10,310	0.316	0.433	
20	Phạm Ngọc Kỳ	037057000151		10,300		10,300	0.315	0.432	
21	Nguyễn Trung Kỳ	161759404		590		590	0.018	0.025	
22	Nguyễn Mạnh Hồng	164001909		750		750	0.023	0.031	
23	Bùi Thị Nguyên	161759663		4,200	560	4,760	0.146	0.200	

24	Lê Văn Phương	164491147		1,780	875	2,655	0.081	0.111	X	
25	Nguyễn Gia Khánh	164000366		10	860	870	0.027	0.037	X	
26	Nguyễn Ngọc Huyền	161640323		8,000		8,000	0.245	0.336	X	
27	Bùi Thị Mỹ Hà	164122884		400	875	1,275	0.039	0.054	X	
28	Phạm Nguyễn	162387607		0	1,265	1,265	0.039	0.053	X	
29	Đỗ Lan Anh	164016947		1,000		1,000	0.031	0.042	X	
30	Trần Thị Tuyết Trâm	164073904		0	1,150	1,150	0.035	0.048	X	
31	Ngô Thị Thu Hằng	164594573		2,600		2,600	0.080	0.109	X	
32	Đỗ Thanh Hòa	164065365		400		400	0.012	0.017	X	
33	Trần Trọng Hiếu	164082224		140	5,390	5,530	0.169	0.232	X	
34	Đặng Thị Kim Thoa	164102509		0	19,000	19,000	0.582	0.798	X	
35	Ngô Quốc Hiếu	164239767		60		60	0.002	0.003	X	
36	Nguyễn Thị Lan	164111519		0	740	740	0.023	0.031	X	
37	Vũ Mạnh Phú	164204810		0	10,080	10,080	0.309	0.423	X	
38	Nguyễn Văn Lượng	160142148		0	580	580	0.018	0.024	X	
39	Đình Khánh Tiến	161848897		210		210	0.006	0.009	X	
40	Mai Ngọc Minh	164065568		0	680	680	0.021	0.029	X	
41	Cù Ngọc Tuấn	164016814		5,075		5,075	0.155	0.213	X	
42	Trần Thị Cúc	164562207		9,050		9,050	0.277	0.380	X	
43	Trần Thị Nhung	926583		0	80	80	0.002	0.003	X	
44	Nguyễn Minh Tân	161983362		60		60	0.002	0.003	X	
45	Nguyễn Việt Phương	164016682		980		980	0.030	0.041	X	
46	Đưa Đức Thiên			395		0	0.000	0.000	X	
47						0	0.000	0.000		
47						0	0.000	0.000		
	Tổng cộng			1,665,229	249,959	466,804	2,381,992	72.952	100.000	

2,278,232 ≈ 72,887%

TM BAN TÒ CHỨC

Cập nhật lúc:

8:20

24/4/2018

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**



EMC

MÃ CHỨNG KHOÁN: L35

**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN 2018**

Ninh Bình, tháng 04 năm 2018

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI

1. Báo cáo Kết quả SXKD năm 2017, Kế hoạch SXKD và Đầu tư năm 2018.
2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017.
3. Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2017.
4. Báo cáo của Hội đồng quản trị.
5. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
6. Tờ trình của HĐQT về Thù lao HĐQT, BKS, TGD, KTT và thư ký năm 2018.
7. Tờ trình của BKS về lựa chọn đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2018.
8. Tờ trình Thông qua Điều lệ 2018 (Điều lệ Đính kèm)
9. Tờ trình Thông qua Quy chế quản trị (Quy chế Đính kèm)
10. Tờ trình Thông qua điều chỉnh Đề án Tái cấu trúc (Đề án Đính kèm)



EMC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CYCP
CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
LILAMA ERECTION MECHANICAL JSC
Địa chỉ: Số 72E, Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình
Tel: (84) 02293.871125 – Fax: (84) 02293.873.074
Website: www.lilamaemc.com.vn



ISO 9001:2008

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

- Thời gian: Từ 8:00 đến 11:30 ngày 24/04/2018
- Địa điểm tổ chức: Hội trường Tầng 1 - Khách sạn Hoàng Sơn - Đường Trịnh Tú, phường Ninh Khánh, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

TT	Nội dung	Thời gian
1	Đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông: - Đón tiếp, kiểm tra và lập danh sách cổ đông có mặt - Phát tài liệu, thẻ biểu quyết	08:00 – 08:30
2	Khai mạc Đại hội: - Thông qua biên bản thẩm tra tư cách cổ đông và tuyên bố điều kiện tiến hành ĐHCD theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty. - Ban tổ chức Khai mạc Đại hội, giới thiệu Đại biểu, khách mời. - Giới thiệu và thông qua Danh sách Chủ tịch đoàn, Thư ký, Ban kiểm phiếu	08:30 – 08:40
3	Thông qua Quy chế Đại hội và Chương trình Đại hội	08:40 – 08:50
4	Chủ tọa Điều hành ĐH trình bày, thảo luận và biểu quyết các nội dung: 1 - Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD và Đầu tư năm 2017; - Kế hoạch SXKD và Đầu tư 2018; 2 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; 3 - Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2017; 4 - Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2017; 5 - Báo cáo của Ban kiểm soát. 6 - Tờ trình của HĐQT về thù lao HĐQT, BKS và thư ký HĐQT; 7 - Tờ trình của BKS về việc chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018 8 - Tờ trình Thông qua Điều lệ Công ty 2018. 9 - Tờ trình Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty 2018. 10 - Tờ trình Thông qua điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cấu trúc Công ty. 11 - Các vấn đề khác (nếu có)	08:50 – 11:00
5	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.	11:00 - 11:30
6	Bế mạc Đại hội.	11:30



EMC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
LILAMA ERECTION MECHANICAL JSC
Địa chỉ: Số 72E, Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình
Tel: (84) 02293.871125 – Fax: (84) 02293.873.074
Website: www.lilamaemc.com.vn



Số: 01/L35-DHĐCD-2018

Ninh Bình, ngày 14 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ 2018

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện Quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, được sự ủy quyền của HĐQT, Tổng giám đốc xin báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017 - Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2018 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama trước Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

I - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ 2017

1. Kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2017

Năm 2017, tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và kịp thời của HĐQT, sự ủng hộ của đối tác khách hàng - quý cổ đông, cùng với sự đoàn kết nỗ lực của tập thể CBCNV, hoạt động SXKD của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama tiếp tục có nhiều khởi sắc. Công ty đã hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu chủ yếu trong Kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Một số kết quả đạt được, cụ thể như sau:

- Sản xuất kinh doanh năm 2017 tiếp tục duy trì ổn định và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra: doanh thu thực hiện đạt 199,7 tỷ đồng, bằng 100,7% kế hoạch; các chỉ tiêu về lợi nhuận, nộp ngân sách... đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Tỷ trọng doanh thu của các Hợp đồng Công ty tự tìm kiếm tiếp tục tăng so với năm trước và chiếm hơn 53% trong cơ cấu doanh thu thực hiện 2017.

- Việc làm được đảm bảo liên tục, năng suất lao động tiếp tục cải thiện; thu nhập bình quân đạt trên 8,2 triệu đồng/người/tháng; việc thanh toán lương và giải quyết các chế độ cho người lao động đầy đủ, tương đối kịp thời.

- Thi công tại các dự án Lọc hoá dầu Nghi Sơn; Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhiệt điện Long Phú 1, Nhiệt điện Thái Bình 2; Thủy điện Sứ Pán; Xi măng Xuân Thành, Xi măng Nam Sơn... đều đảm bảo chất lượng, tiến độ đề ra.

- Công tác An toàn thi công, an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự được duy trì tốt.

- Hoàn thành quyết toán nhiều công trình dự án cũ như Xi măng Đồng Lâm, Xi măng Sóng Thao, Nhiệt điện Vũng Áng, Điện Barh...

- Hoàn thành việc kiểm kê, đánh giá, phân loại và thanh lý nhiều công cụ, dụng cụ, tài sản cũ hỏng.

- Nhiều hoạt động đoàn thể và phong trào thi đua được phát động, góp phần động viên, thúc đẩy sản xuất, cải thiện điều kiện sinh hoạt, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

*** Một số chỉ tiêu chính về SXKD đạt được trong năm 2017**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	198,33	199,77	100,7%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	1,50	1,63	108,6%
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	32,65	32,65	100,0%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	7,5	11,98	159,7%

(Bảng chi tiết giá trị SXKD năm 2017 - Biểu 01 kèm theo)

2. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư năm 2017

Kế hoạch đầu tư năm 2017 của công ty với giá trị là 7,17 tỷ đồng được triển khai trong dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị phục vụ thi công.

Căn cứ tình hình SXKD trong năm 2017 và nhu cầu thi công thực tế tại các công trình/dự án, trong năm 2017 công ty không triển khai thực hiện việc đầu tư mua sắm thiết bị.

II - KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2018

1. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2018

- Kế hoạch năm 2018 doanh thu của Công ty dự kiến đạt 201,73 tỷ đồng được xây dựng trên cơ sở một số công trình chuyển tiếp từ năm 2017 sang cụ thể: Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1, Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, xi măng Nam Sơn, Nhiệt điện Thái Bình 2, nhà máy sản xuất Vôi Việt, kho Dầu khí PV OIL, thủy điện Sứ Pán 1, sửa chữa xi măng Tam Điệp, Bút Sơn...và dự kiến tham gia một số dự án khác từ Tổng công ty và một số công trình Công ty tự tìm kiếm.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu thầu, chào giá các công trình, dự án lớn đang thi công và chuẩn bị khởi công. Xây dựng giá thầu hợp lý, cạnh tranh để có thể đàm phán, ký kết thêm các hợp đồng, đảm bảo công việc cho năm 2018 và các năm tiếp theo.

*** Các chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD năm 2018:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ
1	Doanh thu	Tỷ đồng	199,77	201,73	100,9%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,63	1,80	110,4%
3	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	32,65	32,65	100%
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	11,98	9,00	75,1%
5	Chia cổ tức	%	0	0	
6	Đầu tư XDCB và mua sắm phương tiện thiết bị	Tỷ đồng	0	6,20	

2. Kế hoạch Đầu tư năm 2018

Tiếp tục thực hiện có trọng tâm, trọng điểm đối với những dự án và hạng mục có hiệu quả cao và thiết thực trong phạm vi nguồn vốn tự có, tránh gây lãng phí, thiếu hiệu quả trong dài hạn cũng như giảm bớt áp lực về chi phí khấu hao và nguồn vốn vay phải chịu lãi. Tập trung đầu tư đối với các dự án năng cao năng lực thiết bị để đáp ứng yêu cầu thực tế thi công của từng công trình. Năm 2018 Công ty tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực thiết bị phục vụ thi công với giá trị dự kiến là 6,224 tỷ đồng.

Danh mục thiết bị đầu tư năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên phương tiện, thiết bị	SL	Kế hoạch năm 2018
1	Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị phục vụ thi công năm 2018		
1	Xe cầu tự hành 10 tấn	1	2.267,6
2	Xe con 16 chỗ	1	1.142,2
3	Xe bán tải 750kg	1	854,9
4	Máy cắt đột	1	455,0
5	Xe nâng hàng 7 tấn	1	1.064,3
6	Máy hàn Mig 500A	10	440,0
	Tổng giá trị		6.224,0

III - MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2018

- Tiếp tục bám sát các chủ trương, chiến lược, định hướng và chỉ đạo của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam để lãnh đạo, điều hành hoạt động SXKD có hiệu quả, phù hợp với các mục tiêu chung.
- Tăng cường hoạt động chào thầu, chào giá, mở rộng thị trường với mục tiêu bổ sung thêm từ 150 tỷ đồng doanh thu trong năm 2018 (ngoài các hợp đồng hiện có) để đảm bảo kế hoạch sản xuất gói đầu cho năm 2019.
- Tăng cường quản lý chi phí (nhân công, chi phí khác...) để đảm bảo hiệu quả hoạt động.
- Cơ cấu lại tổ chức và nhân lực theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, mỗi người đảm nhận nhiều việc.
- Tích cực thu hồi vốn, tận dụng một cách hiệu quả nhất các nguồn vốn thông qua việc thương thảo, đàm phán tốt các điều khoản lãi suất, điều khoản về giá và thời hạn thanh toán...
- Đổi mới phương án tổ chức sản xuất: củng cố công tác khoán, mở rộng phạm vi khoán, nhân rộng mô hình khoán hiệu quả, gắn đơn giá khoán với năng suất và tiến độ (năng suất cao, mức khoán cao...). Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng giải pháp thi công theo hướng sử dụng nhân lực ít hơn, hiệu quả hơn.
- Tăng cường hiệu quả và mở rộng thị trường tuyển dụng; tăng cường công tác phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng nhân sự có trình độ chuyên môn/tay nghề phù hợp để phát huy tối đa năng lực/sở trường của người lao động.

- Duy trì công tác phong trào/đoàn thể; nâng cao đời sống vật chất tinh thần và cải thiện điều kiện làm việc/ăn ở/sinh hoạt cho CBCNV; thực hiện tốt các nghĩa vụ đóng góp Ngân sách Nhà nước và BHXH.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2017 - Kế hoạch và một số giải pháp thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2018 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua để tổ chức thực hiện!

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA



Nguyễn Văn Triều

CHI TIẾT SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Giá trị Doanh Thu		Giá trị Sản lượng		Ghi chú
		Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	
1	Công trình lọc dầu Nghi Sơn	34,511	55,671.08	34,654	34,103	
2	Dầu ăn- Nghi Sơn	7,261	8,399.51	7,199	3,972	
3	Công trình xi măng Nam Sơn	21,576	29,801.91	-	34,065	
4	Công trình nhiệt điện Thái Bình 1	1,238	1,263.56	1,238	517	
5	Công trình nhiệt điện Thái Bình 2	29,433	14,674.74	33,910	22,340	
6	Xi măng Xuân Thành (Dây chuyền 2)	54,790	54,504.81	56,251	43,285	
7	Thủy điện Sừ Pán 1	-	1,110.00	-	2,375	
8	Sửa chữa Tam Điệp và Bút Sơn	9,034	5,608.31	11,000	5,938	
9	Nhiệt điện Long Phú 1	20,000	12,924.32	21,054	32,688	
10	Nhiệt điện Sông Hậu 1	20,000	2,066.63	21,562	27,313	
11	Công trình xi măng Hoàng Thạch	490	431.22	490	-	
12	Công trình xi măng Đồng Lâm		4,004.77	-	-	
13	Công trình xi măng Sông Thao		617.08	-	617	
14	Công trình nhiệt điện Barh Ấn Độ		4,293.02	-	104	
15	Nhiệt điện Vũng Áng 1		3,083.49	-	249	
16	Bồn chứa xăng E5 PVOIL		-	-	561	
17	Công trình Vôi Phương Nam		-	-	377	
16	Doanh thu lẻ khác		1,321.81	20,872	1,321	
	TỔNG CỘNG	198,333	199,776	208,230	209,825	

Biểu số: 2

KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2018		Ghi chú
		Giá trị Doanh thu	Giá trị sản lượng	
1	Công trình: Lọc dầu Nghi Sơn	1,600	-	
2	Công trình: Nhiệt điện Thái Bình 2	22,247	13,680	
3	Công trình: Sửa chữa xi măng Tam Điệp	4,500	5,000	
4	Công trình: Sửa chữa xi măng Bút Sơn	2,500	3,000	
5	Công trình: Nhiệt điện Long Phú 1	41,847	44,050	
6	Công trình: Nhiệt điện Sông Hậu 1	51,362	55,829	
7	Công trình: Thủy điện Sừ Pán 1	6,178	5,178	
8	Công trình: Xi măng Nam Sơn	16,500	15,500	
9	Các công trình khác	55,000	69,546	
	TỔNG CỘNG	201,734	211,783	



EMC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP
 CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
 LILAMA ERECTION MECHANICAL JSC
 Địa chỉ: Số 72E, Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình
 Tel: (84) 02293.871125 – Fax: (84) 02293.873.074
 Website: www.lilamaemc.com.vn



Số: 02/L35-DHĐCĐ-2018

Ninh Bình, ngày / tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama. Hội đồng quản trị xin báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động của Công ty và công tác của HĐQT năm 2017; kế hoạch và các định hướng của HĐQT năm 2018 trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, như sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2017

1.1. Về sản xuất kinh doanh:

Năm 2017 hoạt động SXKD của Công ty được duy trì ổn định, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu chính trong Kế hoạch SXKD được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt từ đầu năm. Trong đó, các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập bình quân người lao động vượt kế hoạch. Sản xuất thi công tại các công trình/dự án đáp ứng tốt yêu cầu về tiến độ và chất lượng; năng suất lao động và năng lực tổ chức sản xuất được cải thiện đáng kể; uy tín, thương hiệu của công ty tiếp tục được củng cố.

Tuy nhiên, hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp, tỷ suất Lợi nhuận trước thuế /Doanh thu chỉ đạt 0,82%; lãi cơ bản trên cổ phiếu chỉ đạt 335 đồng.

1.2. Về tình hình tài chính:

Công tác tài chính được thực hiện theo đúng quy chế quản lý tài chính, việc hạch toán kế toán đúng chuẩn mực kế toán hiện hành. Nguồn vốn phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản được đáp ứng khá kịp thời. Chế độ lập và báo cáo tài chính được thực hiện đúng quy định.

Tuy nhiên tình hình tài chính vẫn còn nhiều khó khăn, hiệu quả sử dụng vốn còn thấp; dư nợ tín dụng và chi phí tài chính/chi phí lãi vay ở mức cao. Tỷ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu mặc dù có giảm so với năm trước nhưng vẫn ở mức cao (3,44 lần). Nhiều khoản nợ quá hạn chưa thu hồi được làm giảm khả năng thanh toán ngắn hạn, tăng trích lập dự phòng... giảm hiệu quả hoạt động của đơn vị.

1.3. Về công tác đầu tư:

Trong năm, căn cứ vào tình hình sản xuất và nguồn vốn, công ty đã chủ động chưa thực hiện các hoạt động đầu tư. Tuy nhiên, trong thời gian tới, cần tiếp tục thu xếp vốn trung và dài hạn để triển khai việc đầu tư nâng cao năng lực thiết bị để

nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng các hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.4. Về lao động và việc làm:

Đã đảm bảo tốt vấn đề việc làm cho người lao động, hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch thu nhập bình quân. Các quy định liên quan đến chế độ BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ phép, nghỉ lễ... cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Năng suất lao động đã có cải thiện đáng kể, nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu, lực lượng công nhân có kỹ năng tốt còn thiếu, hiệu quả công tác đào tạo chưa cao, điều kiện làm việc của người lao động còn khó khăn.

1.5. Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty đã tuân thủ và thực hiện một cách có trách nhiệm các vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.

2. Hoạt động, thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên HĐQT

2.1. Hoạt động của HĐQT năm 2017:

- Tập trung thực hiện chức năng quản trị và giám sát các mặt hoạt động của Công ty. Tổ chức các phiên họp thường kỳ để tổng kết đánh giá kết quả và xây dựng kế hoạch SXKD cho từng quý, ban hành nghị quyết, đưa ra những định hướng và các giải pháp để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT, các quy định/quy chế nội bộ của Công ty.

- Phân công từng thành viên theo dõi các lĩnh vực hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT theo nhiệm vụ được phân công đã thực hiện chức năng giám sát thường xuyên, kịp thời có ý kiến với ban điều hành trong các vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tại các kỳ họp HĐQT.

- Bên cạnh đó, HĐQT thường xuyên tham gia các phiên họp của Ban giám đốc và trực tiếp làm việc với các đơn vị sản xuất để nắm bắt tình hình, chỉ đạo giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh.

2.2. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2017 và Kế hoạch năm 2018:

a) Tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCĐ-2017 phiên họp thường niên 2017 ngày 27/04/2017. Cụ thể thực hiện năm 2017 như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Thực hiện năm 2017		
			Tiền lương	Thù lao	Tổng
1	Lê Hữu Điều	Chủ tịch HĐQT	296,889,490		296,889,490
2	Nguyễn Văn Triều	TV HĐQT- TGD	247,981,416	24,000,000	271,981,416
3	Nguyễn Mạnh Hương	TV HĐQT-KTT (Bổ nhiệm 5/2017)	127,225,418	16,000,000	143,225,418
4	Nguyễn Tất Linh	TV HĐQT	117,482,726	24,000,000	141,482,726
5	Vũ Sơn Lâm	TV HĐQT	186,753,475	24,000,000	210,753,475
	Cộng:		976,332,525	88,000,000	1,064,332,525

b) Kế hoạch tiền lương, thù lao 2018 :

TT	Họ và tên	Chức danh	Thực hiện năm 2018		
			Tiền lương	Thà lao	Tổng
1	Lê Hữu Điều	Chủ tịch HĐQT	297,600,000		297,600,000
2	Nguyễn Văn Triều	TV HĐQT- TGD	249,600,000	24,000,000	273,600,000
3	Nguyễn Mạnh Hương	TV HĐQT -KTT	192,000,000	24,000,000	216,000,000
4	Nguyễn Tất Linh	TV HĐQT	126,000,000	24,000,000	150,000,000
5	Vũ Sơn Lâm	TV HĐQT	189,600,000	24,000,000	213,600,000
	Cộng:		1,054,800,000	96,000,000	1,150,800,000

- Chi phí và lợi ích khác: Không.

3. Tổng kết cuộc họp và các quyết định của HĐQT

3.1. Các cuộc họp của HĐQT:

Năm 2017, Hội đồng quản trị tổ chức 09 cuộc họp, gồm 04 phiên định kỳ, 05 phiên bất thường và ban hành 11 nghị quyết, để thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền. Các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ tất cả các phiên họp trong năm.

3.2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	73/NQ-HĐQT-2017	23/03/2017	Thông qua: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016
2	74/NQ-HĐQT-2017	23/03/2017	Thông qua: Kế hoạch và tình hình thực hiện SXKD quý 1/2017 – Kế hoạch SXKD Quý 2/2017; Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017; Chương trình, nội dung các báo cáo, tờ trình và văn bản trình Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên 2017.
3	76/NQ-HĐQT-2017	03/05/2017	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Phùng Quang Minh.
4	77/NQ-HĐQT-2017	03/05/2017	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Mạnh Hương.
5	155/NQ-HĐQT-2017	08/05/2017	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2017.
6	78/NQ-HĐQT-2017	12/06/2017	Thông qua: Kế hoạch và tình hình thực hiện SXKD quý 2/2017 – Kế hoạch SXKD Quý 3/2017; Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017 và ủy quyền Tổng giám đốc ký kết Hợp đồng với đơn vị kiểm toán; Ban hành Quy chế công bố thông tin sửa đổi 2017.

7	79/NQ-HĐQT-2017	26/06/2017	Thông qua: Thông qua phương án huy động vốn năm 2017 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Ninh Bình để thực hiện phương án SXKD năm 2017.
8	80/NQ-HĐQT-2017	12/07/2017	Ban hành Quy chế quản lý đầu tư của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama
9	81/NQ-HĐQT-2017	04/08/2017	Thông qua: Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2017; Kết quả SXKD quý 2/2017 và 6T/2017; Kế hoạch SXKD quý 3/2017; Một số chủ trương định hướng trong hoạt động SXKD năm 2017.
10	82/NQ-HĐQT-2017	30/10/2017	Thông qua: Báo cáo tài chính Quý 3/2017; Kết quả SXKD quý 3/2017 và 9T/2017; Kế hoạch SXKD quý 4/2017; Kế hoạch SXKD năm 2018; Một số chủ trương định hướng trong SXKD thời gian tới.
11	83/NQ-HĐQT-2017	09/11/2017	Thông qua: Việc thanh lý một số tài sản cố định cũ, hỏng không cần dùng cho hoạt động SXKD.

4. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác

- Năm 2017, trong điều hành, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ tốt các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết HĐQT, đã duy trì thường xuyên chế độ thông tin và báo cáo với HĐQT về kết quả và tình hình thực hiện nhiệm vụ.

- Ban Tổng giám đốc đã ban hành, điều chỉnh quy định về chế độ làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, đã bám sát kế hoạch SXKD hàng quý của HĐQT để tập trung thực hiện, kịp thời nắm bắt và chỉ đạo sát sao mọi mặt công tác.

- Ban Tổng giám đốc cũng đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động đấu thầu, chào giá, mở rộng thị trường. Công ty đã ký kết thêm một số hợp đồng thi công mới, qua đó hoàn thành kế hoạch SXKD 2017, làm cơ sở để thực hiện kế hoạch SXKD 2018. Trong đó, tỷ trọng doanh thu của các Hợp đồng Công ty tự tìm kiếm tiếp tục tăng so với năm trước và chiếm hơn 53% trong cơ cấu doanh thu thực hiện 2017.

- Ban Tổng giám đốc đã tăng cường chỉ đạo và thực hiện quyết liệt công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn các công trình, đã hoàn thành quyết toán nhiều công trình dự án cũ.

- Nhìn chung, năm 2017, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều giải pháp phù hợp, tích cực và sát sao trong điều hành, trên cơ sở đó hoạt động SXKD của Công ty được duy trì ổn định và hoàn thành tốt các chỉ tiêu trong kế hoạch SXKD, năng lực sản xuất, hiệu quả hoạt động được cải thiện đáng kể.

- Để Công ty duy trì được sự ổn định và tăng trưởng năm 2018 và những năm tiếp theo, hoàn thành tốt nhất các mục tiêu dài hạn trong chương trình Tái cấu trúc; Ban điều hành cần xây dựng và chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện kế hoạch

doanh thu, kế hoạch SXKD định kỳ hàng tháng/hàng quý. Trong chỉ đạo sản xuất, cần kiểm soát chặt chẽ chi phí, tăng cường thu hồi vốn để giảm chi phí tài chính; đồng thời phải thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, đánh giá tình hình tại các đơn vị, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng năng suất lao động; làm cơ sở nâng cao hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận.

5. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

5.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2018:

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tình hình Kinh tế - Xã hội và tình hình hoạt động của Công ty, HĐQT xây dựng kế hoạch SXKD 2018 trình ĐHCĐ với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Doanh thu : 201,73 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 1,80 tỷ đồng
- Vốn điều lệ : 32,65 tỷ đồng
- Nộp ngân sách : 9,00 tỷ đồng
- Chia cổ tức : 0 %
- Đầu tư XDCB và mua sắm phương tiện thiết bị : 6,2 tỷ đồng

5.2. Một số chủ trương và giải pháp thực hiện:

(1) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ sửa đổi, Quy chế quản trị Công ty phù hợp với Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Trên cơ sở đó, tiếp tục hoàn thiện quy chế nội bộ để hoạt động quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

(2) Tiếp tục chỉ đạo triển khai Đề án tái cấu trúc giai đoạn 2018-2025 và các nội dung điều chỉnh, bổ sung Đề án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Mục tiêu của chương trình tái cấu trúc giai đoạn tới, chủ yếu gồm:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức, quy trình quản lý để hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao hơn phù hợp với thực tiễn hoạt động.

- Đầu tư trang thiết bị, tài sản, phát triển năng lực chuyên sâu một số lĩnh vực kinh doanh mà công ty có thế mạnh và thị trường tiềm năng.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường;

- Tăng quy mô về vốn và tài sản; đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Tìm kiếm đối tác, nhà đầu tư nhận chuyển nhượng để thoái toàn bộ vốn của cổ đông lớn: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam.

(3) Tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả công tác quản trị trong các lĩnh vực chính, cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm phù hợp;

- Xây dựng và thực hiện đầu tư và hợp tác đầu tư hiệu quả;

- Duy trì các phiên họp định kỳ, các hoạt động kiểm tra để đánh giá kết quả hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành;

- Thường xuyên giám sát việc tuân thủ Luật pháp, tuân thủ Điều lệ, Quy chế/quy định nội bộ của Công ty và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.

(4) Chỉ đạo và phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tiếp thị, đấu thầu, chào giá, mở rộng thị trường.

(5) Chỉ đạo và phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc thực hiện đổi mới phương thức quản lý và tổ chức sản xuất thi công, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

(6) Thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin và công tác quan hệ cổ đông.

Được sự tin tưởng và giao phó trách nhiệm của quý vị cổ đông, HĐQT, Ban điều hành và toàn thể CBCNV khẳng định sẽ nỗ lực hết mình để thực hiện tốt các mục tiêu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong thời gian tới, đưa Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama tiếp tục phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, thịnh vượng và thành công!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Hữu Điền



EMC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
LILAMA ERECTION MECHANICAL JSC
 Địa chỉ: Số 72E, Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình
 Tel: (84) 02293.871.125 – Fax: (84) 02293.873.074
 Website: www.lilamaemc.com.vn



Số: 03 /L35-DHĐCĐ-2018

Ninh Bình, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH
THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2017
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy LILAMA đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Báo cáo tài chính năm 2017 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải toàn văn trên Website của Công ty (www.lilamaemc.com.vn), bao gồm:

- (1) Báo cáo của kiểm toán viên;
- (2) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017;
- (3) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017;
- (4) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính;

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính 2017, như sau:

I - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

DVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	191.371.386.412	222.193.126.956
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.931.522.998	23.681.621.439
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.225.000.000	515.000.000
3	Các khoản phải thu	137.590.528.621	124.306.654.816
4	Hàng tồn kho	40.478.468.126	73.559.184.034
5	Tài sản ngắn hạn khác	145.866.667	130.666.667
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	17.148.653.725	21.444.180.917
I	Tài sản cố định	12.452.271.399	14.914.509.374
1	Tài sản cố định hữu hình	11.643.752.570	13.864.796.473

+	Nguyên giá	56.771.729.399	57.689.911.090
+	Giá trị hao mòn lũy kế	(45.127.976.829)	(43.825.114.617)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	808.518.829	1.049.712.901
+	Nguyên giá	1.447.164.423	1.447.164.423
	Giá trị hao mòn lũy kế	(638.645.594)	(397.451.522)
3	Tài sản cố định vô hình		
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
II	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
III	Tài sản dài hạn khác	4.538.741.326	6.220.150.543
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	208.520.040.137	243.637.307.873
A	NỢ PHẢI TRẢ	161.632.736.288	196.075.691.172
I	Nợ ngắn hạn	155.762.894.933	188.469.114.494
II	Nợ dài hạn	5.869.841.355	7.606.576.678
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	46.887.303.849	47.561.616.701
I	Vốn chủ sở hữu	46.887.303.849	47.561.616.701
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	32.651.550.000	32.651.550.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	3.102.723.500	3.102.723.500
3	Vốn khác của chủ sở hữu	1.114.232.377	946.956.494
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
5	Quỹ đầu tư phát triển	8.016.696.695	7.514.869.046
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
7	Lợi nhuận chưa phân phối	2.002.101.277	3.345.517.661
II	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	208.520.040.137	243.637.307.873

II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

ĐVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.776.252.696	236.154.250.056	84.60%
2	Các khoản giảm trừ			
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.776.252.696	236.154.250.056	84.60%

4	Giá vốn hàng bán	179.776.573.518	215.376.303.331	83.47%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.999.679.178	20.777.946.725	96.25%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	61.805.377	487.211.318	12.69%
7	Chi phí tài chính	8.689.126.443	8.631.889.359	100.66%
8	Chi phí bán hàng			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.028.989.438	10.603.817.012	94.58%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	1.343.368.674	2.029.451.672	66.19%
11	Thu nhập khác	299.363.636	1.175.284.352	25.47%
12	Chi phí khác	11.813.871	62.617.972	18.87%
13	Lợi nhuận khác	287.549.765	1.112.666.380	25.84%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.630.918.439	3.142.118.052	51.91%
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	338.102.025	640.663.610	52.77%
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.292.816.414	2.501.454.442	51.68%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	335	664	50.45%

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy LILAMA báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng!



Lê Hữu Điều



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
LILAMA ERECTION MECHANICAL JSC
 Địa chỉ: Số 72E, Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình
 Tel: (84) 0303.871125 – Fax: (84) 0303.873.074
 Website: www.lilamaemc.com.vn



Số: 04/L35-DHBCD-2018

Ninh Bình, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2017 và tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2017	1.630.918.439
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp 2017	338.102.025
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2017 (3 = 1-2)	1.292.816.414
4	Các khoản làm giảm lợi nhuận	
5	Lợi nhuận các năm trước chuyển sang	709.284.863
6	Lợi nhuận còn lại (6=3-4+5)	2.002.101.277
7	Phương án phân phối lợi nhuận	0
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2018	2.002.101.277

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua để triển khai thực hiện.
 Trân trọng!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Hữu Điều

(Số 05 /ĐHCĐ-2018)

Ninh Bình, ngày 11 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA

- Căn cứ và Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán.
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ Công ty Cổ phần cơ khí lắp máy Lilama.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần cơ khí lắp máy Lilama được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) và kết quả kiểm tra kiểm soát trên các số liệu liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về đánh giá kết quả các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2017: Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 về các mặt: sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác quản lý công nợ và các mặt khác của Công ty, đồng thời báo cáo cũng nêu rõ những vấn đề còn tồn tại và định hướng phát triển năm 2018.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo quy định về các hoạt động của Công ty và xin báo cáo tới Đại hội cổ đông một số nội dung chủ yếu sau:

1. Kết quả giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
2. Kết quả giám sát tình hình tài chính niên độ kế toán 2017.
3. Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông.
4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2017.
5. Kiến nghị của Ban kiểm soát.

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2017.

Một số chỉ tiêu chính về SXKD năm 2017 của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ TH/KH	Ghi chú
1	Giá trị sản lượng	Tr.Đ	208.230	209.825	100,76%	
2	Doanh thu	Tr.Đ	198.333	199.776	100,72%	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.Đ	1.500	1.630	108,66%	
4	Tỷ suất LNTT/VDL	%	4,59	4,99	108,73%	
5	Tỷ suất LNTT/Doanh thu	%	0,75	0,81	107,94%	
6	Nộp NSNN	Tr.Đ	7.500	11.983	159,77%	
7	Thu nhập bình quân	Tr.Đ	7,3	8,19	112,19%	
8	Dự kiến cổ tức	%	3	Trình ĐH		
9	Đầu tư XDCB	Tr.Đ	7.089	0	0%	

Trong năm 2017, mặc dù bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, bản thân hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành cơ khí lắp máy còn một số trở ngại như cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, quỹ mô vốn và tài sản còn nhỏ, các công trình mới đều yêu cầu ngày càng cao hơn về chất lượng, và các quy chuẩn, năng suất lao động và tình hình thanh quyết toán, thu hồi các khoản nợ của các công trình bị kéo dài nhất là các công trình về xi măng, xong Công ty đã thu được một số kết quả SXKD vượt kế hoạch như: chỉ tiêu về sản lượng và doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, thu nhập bình quân việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách của người lao động được đảm bảo theo kế hoạch do Đại hội cổ đông giao.

2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2017:

Căn cứ vào báo cáo kiểm toán Số: 188/BCKT/TC ngày 28/02/2017 được thực hiện bởi Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA), Ban kiểm soát đã thẩm tra và báo cáo tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

(Đơn vị :VND)

2.1.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Nội dung	Số liệu 31/12/2017	Số liệu 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	191.371.386.412	222.193.126.956
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	10.931.522.998	23.681.621.439
1. Tiền	10.931.522.998	11.681.621.439
2. Các khoản tương đương tiền		12.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.225.000.000	515.000.000

1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.225.000.000	515.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	137.590.528.621	124.306.654.816
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	141.974.898.218	128.006.080.674
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	675.096.366	517.463.773
3. Phải thu ngắn hạn khác	5.829.290.335	6.671.866.667
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *	(10.888.756.298)	(10.888.756.298)
IV. Hàng tồn kho	40.478.468.126	73.559.184.034
1. Hàng tồn kho	40.478.468.126	73.769.122.984
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho *	0	(209.938.950)
V. Tài sản ngắn hạn khác	145.866.667	130.666.667
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	145.866.667	130.666.667
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	17.148.653.725	21.444.180.917
LCác khoản phải thu dài hạn	157.641.000	309.521.000
1. Phải thu dài hạn khác	157.641.000	309.521.000
II. Tài sản cố định	12.452.271.399	14.914.509.374
1. Tài sản cố định hữu hình	11.643.752.570	13.864.796.473
- Nguyên giá	56.771.729.399	57.689.911.090
- Giá trị hao mòn lũy kế *	(45.127.976.829)	(43.825.114.617)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	808.518.829	1.049.712.901
- Nguyên giá	1.447.164.423	1.447.164.423
- Giá trị hao mòn lũy kế *	(638.654.594)	(397.451.522)
III. Bất động sản đầu tư	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn	0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	4.538.741.326	6.220.150.543
1. Chi phí trả trước dài hạn	4.538.741.326	6.220.150.543
TỔNG TÀI SẢN	208.520.040.137	243.637.307.873
A. NỢ PHẢI TRẢ	161.632.736.288	196.075.691.172
I. Nợ ngắn hạn	155.762.894.933	188.469.114.494
1. Phải trả người bán ngắn hạn	30.718.902.218	38.852.001.973
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.573.173.543	27.018.500.365
3. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách	8.943.735.227	6.827.032.229
4. Phải trả người lao động	9.706.922.635	15.326.978.834

5. Chi phí phải trả ngắn hạn	5.698.744.198	3,579,839,437
6. Phải trả ngắn hạn khác	8.121.579.595	7,663,708,497
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	89.785.440.606	89,004,108,014
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	214.396.911	196,945,145
II. Nợ dài hạn	5.869.841.355	7,606,576,678
1. Chi phí phải trả dài hạn	2,859,986,514	2,859,986,514
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.009.854.841	4,746,590,164
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	46.887.303.849	47,561,616,701
I. Vốn chủ sở hữu	46.887.303.849	47,561,616,701
1. Vốn góp của chủ sở hữu	32,651,550,000	32,651,550,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>32,651,550,000</i>	<i>32,651,550,000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	3,102,723,500	3,102,723,500
3. Vốn khác của chủ sở hữu	1.114.232.377	946,956,494
4. Quỹ đầu tư phát triển	8.016.696.695	7,514,869,046
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.002.101.277	3,345,517,661
<i>-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>709.284.863</i>	<i>844,063,219</i>
<i>-LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>1.292.816.414</i>	<i>2,501,454,442</i>
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	208.520.040.137	243,637,307,873

2.2 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Nội dung	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.776.252.696	236,154,250,056
2. Các khoản giảm trừ	0	0
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.776.252.696	236,154,250,056
4. Giá vốn hàng bán	179.776.573.518	215,376,303,331
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.999.679.178	20,777,946,725
6. Doanh thu hoạt động tài chính	61.805.377	487,211,318

7. Chi phí tài chính	8.689.126.443	8,631,889,359
-Trong đó: Chi phí lãi vay	8.689.126.443	8,628,849,123
8. Chi phí bán hàng	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.028.989.438	10,603,817,012
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.343.368.674	2,029,451,672
11. Thu nhập khác	299.363.636	1,175,284,352
12. Chi phí khác	11.813.871	62,617,972
13. Lợi nhuận khác	287.549.765	1,112,666,380
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.630.918.439	3,142,118,052
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	338.102.025	640,663,610
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.292.816.414	2,501,454,442
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	335	689
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	335	689

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP cơ khí lắp máy Lilama đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty.

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU:

Cơ cấu tài sản	Năm 2016	Năm 2017
+ Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	91,19%	91,78%
+ Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	8,81%	8,22%
Cơ cấu nguồn vốn		
+ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	80,47%	77,51%
+ Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	19,53%	22,49%
Hệ số khả năng sinh lời		
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH	5,25%	2,75%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	7,66%	3,56%
Hệ số nợ và khả năng thanh toán		
+ Hệ số nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	4,12 lần	3,44 lần
+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	1,24 lần	1,29 lần

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	1,17 lần	1,22 lần
---	----------	----------

3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ PHỐI HỢP CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG:

a) Đối với Hội đồng Quản trị:

- Trong năm tài chính 2017, HĐQT Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã ban hành 11 Nghị quyết liên quan đến hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng, ban hành các Quy chế phù hợp với Công ty, Tổng công ty và Điều lệ của Công ty.

- HĐQT thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giải quyết những khó khăn vướng mắc phát sinh để đạt được một số chỉ tiêu đề ra.

- HĐQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng Quy chế, phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức của Công ty.

b) Đối với Tổng giám đốc:

- Đã thực hiện đúng chức, năng nhiệm vụ và các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Công ty.

- Chỉ đạo các phòng ban chức năng, đội công trình tổ chức thi công tại các công trình đáp ứng tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Khắc phục những khó khăn và có biện pháp điều hành cần thiết để hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Tổng giám đốc đã ban hành, sửa đổi kịp thời các quy trình, quy chế để áp dụng vào thực tiễn một cách khoa học có hiệu quả trong công tác quản lý chi phí, biện pháp thi công nhằm phù hợp với tình hình thực tế, xu hướng phát triển của công ty.

- Tăng cường chỉ đạo và thực hiện quyết liệt thanh quyết toán thu hồi vốn các công trình, đã hoàn thành quyết toán một số công trình dự án cũ.

- Chăm lo cho đời sống người lao động được đảm bảo về việc làm và thu nhập.

- Về công tác đầu tư: Thực hiện các công tác đầu tư các phương tiện thiết bị cần thiết phục vụ các công tác sản xuất và thi công các công trình.

c) Quan hệ phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông với Ban kiểm soát:

- Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tại Công ty theo quy định.

- Ban kiểm soát được mời tham dự các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, được tham gia phát biểu ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của Ban kiểm soát.

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát không nhận được ý kiến bằng văn bản của cổ đông về hoạt động SXKD của Công ty.

4. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO VÀ TỔNG KẾT, NGHỊ QUYẾT CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2017.

a) Hoạt động và tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2017

- Tổ chức lập kế hoạch công tác năm 2017 của Ban kiểm soát và bám sát kế hoạch công tác đã lập để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ để phân công công việc của các thành viên ban kiểm soát, trao đổi, thống nhất các phạm vi liên quan đến nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

- Xem xét, đánh giá Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty

- Tham dự các cuộc họp HĐQT tổ chức và thực hiện, các cuộc họp khác để nắm bắt thông tin về công tác quản trị, điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động SXKD và đầu tư, quản lý điều hành của Công ty theo đúng Nghị định và Điều lệ.

- Tham gia giám sát việc thực hiện Đề án tái cấu trúc công ty Cổ phần cơ khí lắp máy Lilama đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 26/04/2016.

Tiền lương, thù lao cho Ban kiểm soát năm 2017:

Công ty đã thực hiện theo đúng Nghị quyết đại hội cổ đông năm ngày 27/04/2017. Theo đó:

- Trưởng ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương thực tế theo Quy chế trả lương của Công ty.

- Thành viên ban kiểm soát được trả thù lao là 1.500.000 đồng/ tháng.

Tổng tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2017 là: 161.326.982 đồng.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thù lao năm 2017	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng Tân	Trưởng BKS	125.326.982	
2	Phạm Mạnh Đức	TV BKS	18.000.000	
3	Lê Tuấn Minh	TV BKS	18.000.000	

b) Tổng kết các cuộc họp và quyết định của Ban kiểm soát:

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện 3 cuộc họp của Ban kiểm soát.

- Thông qua biên bản làm việc của Ban kiểm soát với công ty đánh giá toàn bộ thực hiện Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2016, Thông qua nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016 trình Đại hội cổ đông thường niên 2017.

- Kiểm tra đánh giá báo cáo tài chính bán niên năm 2017 (đã được kiểm toán) thực hiện kế hoạch sản xuất 6 tháng đầu năm 2017, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2017 và Hội đồng quản trị.

- Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 9 tháng đầu năm 2017.

5. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Để công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 được Đại hội cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị như sau:

- Đề cao trách nhiệm, phát huy trí tuệ tập thể trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ công nhân viên để cùng nhau giúp công ty vượt qua khó khăn và đạt được các chỉ tiêu đề ra cho năm 2018 nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông, nghĩa vụ với nhà nước và người lao động.

- Đối với thi công các công trình: Đề nghị HĐQT, Tổng giám đốc chỉ đạo, đôn đốc, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo đủ vốn và hoạt động hiệu quả. Đẩy nhanh quá trình nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn tại các công trình.

- Trong công tác điều hành đề nghị HĐQT, Tổng giám đốc cần có biện pháp nâng cao khả năng thanh toán của công ty, quản lý tốt tiền mặt, chi phí dở dang và lãi vay. Khẩn trương thu hồi các khoản nợ nhằm đảm bảo vốn kinh doanh và giảm lãi vay ngân hàng.

- Đối với công tác mở rộng thị trường tìm kiếm việc làm: Đề nghị HĐQT, Tổng giám đốc cần có những biện pháp cụ thể tích cực tìm kiếm việc làm, xây dựng giá thành hợp lý để nâng cao sức cạnh tranh đảm bảo hiệu quả trong công tác đấu thầu, chào giá.

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa cho đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty phát triển và ổn định, nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của công ty và cổ đông công ty.

- Đẩy nhanh công tác quyết toán nội bộ các công trình đã hoàn thành.

- Đối với năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực: Có chính sách tuyển dụng, đào tạo phát triển và duy trì nguồn nhân lực hợp lý, chủ động trong điều động nguồn nhân lực, sát sao trong việc quản lý và tổ chức thi công, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.

6. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát sẽ tiếp tục tiến hành công tác kiểm soát định kỳ theo quy định cụ thể:

- Kiểm tra định kỳ các báo cáo tài chính quý và năm của Công ty.

- Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, quy định của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Đánh giá công tác quản trị điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trên đây là báo cáo của ban kiểm soát về hoạt động kiểm soát trong năm tài chính 2017. Ban kiểm soát xin báo cáo trình Đại hội cổ đông thông qua.

Kính chúc Công ty ngày càng phát triển, ổn định, bền vững, kính chúc Quý cổ
đồng dồi dào sức khỏe, chúc Đại hội cổ đông thành công tốt đẹp.

**T/M Ban kiểm soát
Trưởng ban**



Nguyễn Thị Hồng Tân



EMC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
LILAMA ERECTION MECHANICAL JSC
 Địa chỉ: Số 72E, Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình
 Tel: (84) 02293.871125 – Fax: (84) 02293.873.074
 Website: www.lilamasmc.com.vn



ISO 9001:2008

Số: 06/L35-ĐHĐCĐ-2018

Ninh Bình, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: Chi trả tiền lương và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 việc Chi trả tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty, như sau:

1. Báo cáo thực hiện chi trả lương, thù lao năm 2017:

Năm 2017 Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty theo đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017. Cụ thể:

a) Tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách:*ĐVT: đồng/năm*

1.	Lê Hữu Điều	Chủ tịch HĐQT	296,889,490	Lương chuyên trách
2.	Nguyễn Thị Hồng Tân	Trưởng BKS	125,326,982	Lương chuyên trách
	Cộng (a)		422,216,472	

a) Thù lao kiêm nhiệm Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Thư ký công ty:*ĐVT: đồng/năm*

1.	Nguyễn Văn Triều	Thành viên HĐQT	24,000,000	Kiểm Tổng giám đốc
2.	Nguyễn Mạnh Hương	Thành viên HĐQT	16,000,000	Kiểm Kế toán trưởng (Bổ nhiệm 4.2017)
3.	Phùng Quang Minh	Thành viên HĐQT	8,000,000	Miễn nhiệm 4.2017
4.	Nguyễn Tất Linh	Thành viên HĐQT	24,000,000	Kiểm nhiệm
5.	Vũ Sơn Lâm	Thành viên HĐQT	24,000,000	Kiểm nhiệm
6.	Phạm Mạnh Đức	Kiểm soát viên	18,000,000	
7.	Lê Tuấn Minh	Kiểm soát viên	18,000,000	Kiểm nhiệm
8.	Văn Việt Hưng	Thư ký	18,000,000	Kiểm nhiệm
	Cộng (b)		150,000,000	

Tổng cộng (a + b) : 572,216,472 đồng

Bảng chú: Năm trăm bảy mươi hai triệu hai trăm mười sáu nghìn bốn trăm bảy mươi hai đồng

2. Kế hoạch trả lương và thù lao năm 2018:

a) Tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS chuyên trách:

DVT: đồng/năm

1.	Lê Hữu Điều	Chủ tịch HĐQT	297,600,000	Lương chuyên trách
2.	Nguyễn Thị Hồng Tân	Trưởng BKS	126,000,000	Lương chuyên trách
	Cộng (a):		423,600,000	

a) Thù lao kiêm nhiệm thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Thư ký:

1.	Nguyễn Văn Triều	Thành viên HĐQT	24,000,000	Kiểm Tổng giám đốc
2.	Nguyễn Mạnh Hương	Thành viên HĐQT	24,000,000	Kiểm Kế toán trưởng
3.	Nguyễn Tất Linh	Thành viên HĐQT	24,000,000	Kiểm nhiệm
4.	Vũ Sơn Lâm	Thành viên HĐQT	24,000,000	Kiểm nhiệm
5.	Phạm Mạnh Đức	Thành viên BKS	18,000,000	
6.	Lê Tuấn Minh	Thành viên BKS	18,000,000	Kiểm nhiệm
7.	Văn Việt Hưng	Thư ký	18,000,000	Kiểm nhiệm
	Cộng (b):		150,000,000	

Tổng cộng (a + b) : 573,600,000 đồng

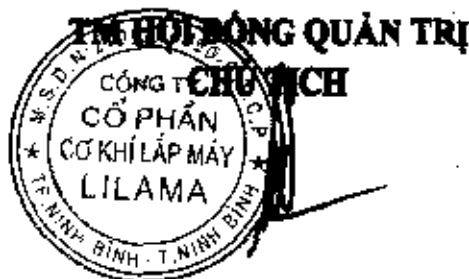
Bảng chú: Năm trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Thư ký Công ty ngoài thù lao kiêm nhiệm nói trên, khi làm việc tại Công ty được hưởng lương theo Quy chế trả lương của Công ty.

Trường hợp có thành viên HĐQT, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty sẽ được trả lương chuyên trách theo Quy chế trả lương của Công ty.

Trường hợp có sự thay đổi nhân sự HĐQT, BKS, Thư ký thì nhân sự thay đổi được hưởng lương và thù lao tương ứng theo chức danh được bổ nhiệm.

HĐQT báo cáo và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai thực hiện. Trân trọng./.



Lê Hữu Điều



EMC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM – CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
LILAMA ERECTION MECHANICAL JSC
Địa chỉ: Số 72E, Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình
Tel: (84) 02293.871.125 – Fax (84) 02293. 873. 074
Website : www.lilamaemc.com.vn



Số: 07/L35-DHĐCĐ- 2018

Ninh Bình, ngày 11 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện Quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính (BCTC) trong năm tài chính 2018 của Công ty cổ phần cơ khí lắp máy Lilama, như sau:

1. Đơn vị kiểm toán và soát xét các BCTC năm 2018 của Công ty cổ phần cơ khí lắp máy Lilama phải đáp ứng được các tiêu chí sau:

- Là một trong những đơn vị kiểm toán hoạt động tại Việt Nam được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán.

- Có danh tiếng và uy tín để tăng cường mức độ tin nhiệm và tin tưởng đối với người đọc BCTC của Công ty, đặc biệt đối với các đối tác là tổ chức trong và ngoài nước.

- Chi phí kiểm toán hợp lý.

2. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua các tiêu chí tại Mục 1, làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các BCTC trong năm 2018 của Công ty.

- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn một (01) trong các đơn vị kiểm toán độc lập dưới đây, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trên, để kiểm toán và soát xét các BCTC trong năm tài chính 2018 của Công ty. Cụ thể:

(1) Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)

(2) Công ty TNHH kiểm toán VACO

(3) Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để tổ chức thực hiện!

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Hồng Tân



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
LILAMA ERECTION MECHANICAL JSC
 Địa chỉ: Số 72E, Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình
 Tel: (84) 02293.871125 – Fax: (84) 02293.873.074
 Website: www.lilamaemc.com.vn



Số: 08/L35-ĐHCCĐ-2018

Ninh Bình, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

(Về việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
 theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ
 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định pháp luật có liên quan;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ngày 26/04/2016;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 xem xét thông qua Điều lệ 2018 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama theo dự thảo đính kèm.

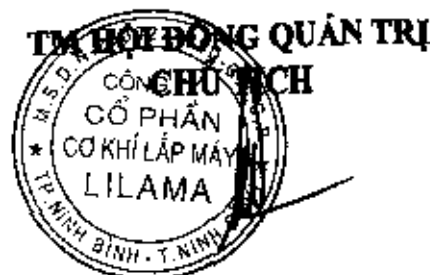
Dự thảo Điều lệ 2018 phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và dựa trên Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng, ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính.

Các nội dung sửa đổi so với Điều lệ hiện hành (2016) chủ yếu do các quy định mới tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017. Ngoài ra, dự thảo Điều lệ 2018 có điều chỉnh hợp lý hơn trong cơ cấu các điều khoản và trong cách diễn đạt.

Để thuận tiện cho cổ đông xem xét quyết định, dự thảo Điều lệ 2018 trình Đại hội đồng cổ đông, đồng thời thể hiện sự so sánh với Điều lệ 2016 hiện hành theo từng chương, điều, khoản, mục cụ thể.

HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Điều lệ 2018 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama phù hợp với quy định của pháp luật, làm cơ sở điều chỉnh các hoạt động SXKD.

Trân trọng!



Lê Hữu Điều

BẢN SO SÁNH

ĐIỀU LỆ CÔNG TY 2016 VÀ DỰ THẢO ĐIỀU LỆ 2018

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018 THÔNG QUA VIỆC SỬA ĐỔI BỔ SUNG

(Tham chiếu Điều lệ mẫu - Ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng)

Một số điểm/câu cứ sửa đổi, bổ sung	Điều lệ chính ngày ban hành Điều lệ sửa đổi	Mô tả điều chỉnh	Số đổi theo Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Chứng khoán 2010.
<p>Điều lệ</p> <p>Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama (năm 2016)</p> <p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama (dưới đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng căn cứ theo Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định Pháp luật hiện hành, là cơ sở pháp lý và những quy tắc để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 26/04/2016 và thay thế cho Điều lệ Công ty ngày 27/04/2013.</p> <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;</p> <p>d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</p>	<p>Dự thảo Điều lệ</p> <p>Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama (năm 2018)</p> <p>PHẦN MỞ ĐẦU</p> <p>Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama (dưới đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng căn cứ theo Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định Pháp luật hiện hành, là cơ sở pháp lý và những quy tắc để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 24/04/2018 và thay thế cho Điều lệ Công ty ngày 26/04/2016.</p> <p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và</p>		

<p>đ. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	<p>các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu,</p> <p>e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, trừ trường hợp quy định tại Điều 32 Điều lệ này;</p> <p>f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;</p> <p>i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	<p>Nghị Định 71/2017/ NĐ-CP ngày 6/6/2017</p>
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LÁP MÁY LILAMA</p> <p>- Tên tiếng Anh: LILAMA ERECTION MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY</p> <p>- Tên giao dịch: LILAMA.EMC</p> <p>- Tên viết tắt: EMC</p> <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>- Địa chỉ: Số 72E, đường Hoàng Diệu, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LÁP MÁY LILAMA</p> <p>- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: LILAMA ERECTION MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY</p> <p>- Tên Công ty viết tắt: LILAMA EMC</p> <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>- Địa chỉ: Số 72E, đường Hoàng Diệu, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình</p> <p>- Điện thoại: 02293.871.125</p>	<p>Sửa đổi thông tin số điện thoại, số fax do thay đổi mã vùng</p>

<p>- Điện thoại: 0303.871.125 - Fax: 0303.873.074 - E-mail: lilamaemc@gmail.com - Website: http://www.lilamaemc.com.vn</p> <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>- Fax: 02293.873.074 - E-mail: lilamaemc@gmail.com - Website: https://www.lilamaemc.com.vn</p> <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật, theo Điều lệ và các quy chế/quy định nội bộ của Công ty.</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật, theo Điều lệ và các quy chế/quy định nội bộ của Công ty.</p> <p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (giao thông, thủy lợi, công nghiệp, đường điện, trạm biến áp, xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng). + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Khảo sát, tư vấn: Kết cấu dân dụng, công nghiệp; quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội-ngoại thất dân dụng, công nghiệp; cấp điện ngành nông nghiệp; chế tạo thiết bị máy cơ khí. Kiểm tra môi hàn (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại. + Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại. + Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. + Sản xuất các cấu kiện kim loại. + Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm). + Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.</p>
<p>- Điện thoại: 0303.871.125 - Fax: 0303.873.074 - E-mail: lilamaemc@gmail.com - Website: http://www.lilamaemc.com.vn</p> <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>		<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật, theo Điều lệ và các quy chế/quy định nội bộ của Công ty.</p> <p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (giao thông, thủy lợi, công nghiệp, đường điện, trạm biến áp, xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền móng). + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Khảo sát, tư vấn: Kết cấu dân dụng, công nghiệp; quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội-ngoại thất dân dụng, công nghiệp; cấp điện ngành nông nghiệp; chế tạo thiết bị máy cơ khí. Kiểm tra môi hàn (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; chống ăn mòn bề mặt kim loại. + Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại. + Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. + Sản xuất các cấu kiện kim loại. + Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm). + Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. + Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không</p>	

<p>khí.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. + Đại lý. + Lắp đặt hệ thống điện. + Sản xuất thiết bị điện khác (cơ, điện). + Sửa chữa máy móc, thiết bị. + Bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. + Hoàn thiện công trình trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất. + Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại. + Sản xuất mô tô, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. + Sản xuất hóa chất cơ bản (khí công nghiệp). + Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (khí công nghiệp). + Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan. <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm: nâng cao giá trị công ty; tạo việc làm và thu nhập cho người lao động; làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước; tăng lợi nhuận, lợi tức cho cổ đông; đồng thời tái đầu tư để phát triển bền vững.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. + Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. + Đại lý. + Lắp đặt hệ thống điện. + Sản xuất thiết bị điện khác (cơ, điện). + Sửa chữa máy móc, thiết bị. + Bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. + Hoàn thiện công trình trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất. + Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại. + Sản xuất mô tô, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. + Sản xuất hóa chất cơ bản (khí công nghiệp). + Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (khí công nghiệp). + Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan. <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm: nâng cao giá trị công ty; tạo việc làm và thu nhập cho người lao động; làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước; tăng lợi nhuận, lợi tức cho cổ đông; đồng thời tái đầu tư để phát triển bền vững.</p>
<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty hiện tại là 32.651.550.000 đồng (Ba mươi hai tỷ sáu trăm năm một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.265.155 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là là 32.651.550.000 đồng (Ba mươi hai tỷ sáu trăm năm một triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.265.155 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp đã được đăng ký tại Cơ quan đăng ký kinh doanh tại thời điểm cổ phần hóa.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

*Bổ sung
nội dung
ghi tại
Khoản 5*

<p>1. Cò đồng của Công ty được cấp chứng nhận cò phiếu tương ứng với số cò phân và loại cò phân sở hữu.</p> <p>2. Chứng nhận cò phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty. Chứng nhận cò phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cò phiếu mà cò đồng nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ để nghị chuyển quyền sở hữu cò phân theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cò phân theo như quy định tại phương án phát hành cò phiếu của Công ty, người sở hữu số cò phân được cấp chứng nhận cò phiếu. Người sở hữu cò phân không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cò phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cò phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cò phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cò phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cò phân và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>1. Cò đồng của Công ty được cấp chứng nhận cò phiếu tương ứng với số cò phân và loại cò phân sở hữu.</p> <p>2. Cò phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cò phân của công ty đó. Cò phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cò phân theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cò phân theo như quy định tại phương án phát hành cò phiếu của Công ty, người sở hữu số cò phân được cấp chứng nhận cò phiếu. Người sở hữu cò phân không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cò phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cò phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cò phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cò phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cò phân và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p><i>Bổ sung hình thức chứng nhận cò phiếu phù hợp với thực tế</i></p>
<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	
<p>Điều 9. Chuyển nhượng cò phân</p> <p>1. Tất cả các cò phân được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cò phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cò phân chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cò phiếu phát hành để tăng vốn cò phân từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cò phiếu mới chào bán.</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cò phân</p> <p>1. Tất cả các cò phân được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cò phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cò phân chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cò phiếu phát hành để tăng vốn cò phân từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cò phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 10. Thu hồi cò phân</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cò phân</p>	

<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi 12 tháng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p>	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi tính theo lãi suất tiền gửi 12 tháng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p>
<p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty theo mô hình sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; 	<p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị;

<p>3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc.</p>	
<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;</p> <p>j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, số biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo</p>

<p>quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 6 Điều 33 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 114 và Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>
<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dúi nợ mọi 	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. <p style="text-align: right;"><i>Cơ cấu lại nội dung tại Khoản 2</i></p>

<p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p>	<p>hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p>
<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định trong Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một</p>

phần ba (1/3);

d. Có đồng hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không

<p>gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none"> Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông qua các báo cáo tài chính năm; Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông; Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% 	<p>bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none"> Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo tài chính năm; Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông; Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35%
---	--

<p>k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc giao dịch mua, đầu tư có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 15 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>Điều 16. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>

<p>đồng phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp có đồng cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp; Có đồng sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa cho năm (05) người đại diện;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền của người đại diện cùng với (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp có đồng cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp có đồng tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất</p> <p style="text-align: right;"><i>Điều</i></p>
--	--	---	--

phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nếu trên chỉ có giá trị khi nắm giữ tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số phần để khởi động cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nếu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

chính ty
lệ biểu
quyết

Điều
chính
thời gian
gửi
thông
báo theo
Điều lệ
mẫu

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo được gửi đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

4. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.

5. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết;

c. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Tài liệu họp nếu trên có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu. Công ty phải cung cấp tài liệu theo phương thức gửi thư bảo đảm nếu có yêu cầu bằng văn bản từ phía cổ đông.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 6 Điều 18 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

e. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông,

c. Vấn đề để xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bản bạc và thông qua;

d. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

8. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

9. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của

được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phân ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Bỏ trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bỏ trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

hợp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phân ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bỏ trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

<p>Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác, mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>b. Bổ trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.</p> <p>12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; đ) Tổ chức lại, giải thể công ty; e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty. <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này;</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được</p>
---	---	---	--

*Cơ cấu
lại các
khoản,
điểm
theo
Điều lệ
mẫu*

<p>đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Quy trình, thủ tục xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được nêu rõ tại quy chế quản trị nội bộ của công ty. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; Mục đích lấy ý kiến; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng cổ đông theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng cổ đông. 	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Mục đích lấy ý kiến; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả
--	-------------------------------------	---	---

loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được mở trước khi kiểm tra ý kiến của Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đầu không hợp lệ.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không

lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm tra;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

<p>chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi công bố biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Họ, tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Chương trình họp và nội dung cuộc họp; Họ, tên chủ tọa và thư ký; Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

	<p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>
<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được công bố, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài</p>

<p>xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 21 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tố chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. 3. Trường hợp có yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. 4. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tố chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tới thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty. 	<p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90%

Cơ cấu lại Điều khoản theo Điều lệ mẫu

được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy

<p>định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p>6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p>	<p>Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;</p>
--	---	--	---

Cơ cấu
lại Điều,
khoản
theo
Điều lệ
mẫu

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nếu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;

l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);

d. Chi định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

d. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty.

công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

l. Các hợp đồng, giao dịch của công ty có giá trị lớn hơn hai (02) lần vốn Điều lệ, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

m. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các

c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải báo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có một với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai

quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điều 9 Khoản 9 Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều a và Điều b Khoản 4 Điều 36 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành

được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại Điều b Khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị

viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện

không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản d Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến

quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định và có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

*Bổ sung
nội dung
theo
Điều lệ
mẫu*

*Thay thế
cho chức
danh
Thư ký
Công ty
theo
Nghị*

	<p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	định 71/2017// ND-CP
<p>Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu</p>	<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý</p>	

<p>trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nếu cần phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</p>	<p>chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nếu cần phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 30. Cán bộ quản lý</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>	<p>Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Theo đề nghị Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cần cần để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>	<p><i>Thay đổi khái niệm theo Nghị định 71/2017// NĐ-CP</i></p>
<p>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng có đồng thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p> <p>3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng có đồng, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng có đồng thông qua;</p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng có đồng thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng có đồng, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã</p>			

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế, ngoại trừ các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

đ. Vào ngày 30 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và

được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 30 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

<p>bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	<p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bỏ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>
<p>Điều 32. Thư ký Công ty</p> <p>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. Tham dự các cuộc họp. 4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp. 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. <p>Thư ký công ty có trách nhiệm báo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p><i>Thay thế bằng chức danh quy định tại Điều 32</i></p>
<p>Điều 33. Thành viên Ban kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên, các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Kiểm soát viên không được giữ chức vụ quản lý của Công ty và không phải là người trong bộ phận kế toán của Công ty. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Công ty. 3. Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài 	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. <p>Điều 37. Kiểm soát viên</p>

chính của Công ty.

4. Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

5. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

6. Các cổ đông có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

7. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

8. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

b. Kiểm soát viên đó đã từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;

c. Kiểm soát viên đó bị rơi loạn tâm thần và các thành viên khác

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

<p>của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Kiểm soát viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>
<p>Điều 34. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đàm phán sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý và các báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty;</p> <p>đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà Kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>e. Xem xét thu quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thu</p>	<p>Điều 38. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tình hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khác phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bán sao các nghị quyết, biên bản</p>

<p>ký Công ty phải báo đảm rằng toàn bộ các bản sao nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và các thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p> <p>4. Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>hợp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>
<p>Điều 35. Trách nhiệm cần trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>Điều 39. Trách nhiệm cần trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Công ty.</p>
<p>Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám</p>

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của

độc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch

Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

<p>không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>
<p>Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 2 Điều 25 và Khoản 6 Điều 33 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.</p>	<p>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>
<p>Điều 39. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản</p>	<p>Điều 43. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông</p>

trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ đồng thời việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 40. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể để nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp, Trường hợp Công ty đã chuyển cho cổ đông mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

<p>7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 41. Tài khoản ngân hàng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. 3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản. 	<p>Điều 45. Tài khoản ngân hàng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam. 2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật. 3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.
<p>Điều 42. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng mười hai (12). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó.</p>	<p>Điều 46. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng mười hai (12). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó.</p>
<p>Điều 43. Chế độ kế toán</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi) trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. 	<p>Điều 47. Chế độ kế toán</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.
<p>Điều 44. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và 	<p>Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 45. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 46. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về

và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

<p>báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</p>	<p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>
<p>Điều 47. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 51. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>
<p>Điều 48. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>Điều 52. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>
<p>Điều 49. Thanh lý</p> <p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do</p>	<p>Điều 53. Thanh lý</p> <p>1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý</p>

<p>Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Các chi phí thanh lý; Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên; Thuế và các khoản nợ cho Nhà nước; Các khoản vay (nếu có); Các khoản nợ khác của Công ty; Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước. 	<p>chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Các chi phí thanh lý; Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; Nợ thuế; Các khoản nợ khác của Công ty; Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.
<p>Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông với Công ty; Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp. <p>Các bên liên quan có gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày ý kiến về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày ý kiến về việc giải quyết tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng</p>	<p>Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ đông với Công ty; Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác; <p>Các bên liên quan có gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ... ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng</p>

<p>nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	<p>có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>
<p>Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</p> <p>1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó được ưu tiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	<p>Điều 55. Điều lệ công ty</p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó được ưu tiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>

<p>Điều 52. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 52 điều được Đại hội đồng Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama nhất trí thông qua ngày 04 tháng 04 năm 2016 tại Ninh Bình và cùng chấp thuận hiệu lực của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Họ tên, chức vụ, chữ ký của người đại diện theo pháp luật và mẫu con dấu của Công ty theo các Phụ lục đính kèm. Trường hợp Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi con dấu bằng nghị quyết hợp lệ của Hội đồng quản trị sẽ không làm thay đổi nội dung khác trong Điều lệ này và Công ty không nhất thiết phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ.</p>	<p>Điều 56. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 56 điều được Đại hội đồng Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2018 tại Ninh Bình và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama ngày 26/04/2016 và là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Họ tên, chức vụ, chữ ký của người đại diện theo pháp luật và mẫu con dấu của Công ty theo các Phụ lục đính kèm. Trường hợp Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi con dấu bằng các nghị quyết hợp lệ của Hội đồng quản trị sẽ không làm thay đổi các nội dung khác trong Điều lệ này và Công ty không nhất thiết phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ.</p>
<p style="text-align: center;"><u>Phụ lục 1</u></p> <p style="text-align: center;">HỌ TÊN, CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ MÀU CON DẤU CÔNG TY</p>	<p style="text-align: center;"><u>Phụ lục 1</u></p> <p style="text-align: center;">HỌ TÊN, CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ MÀU CON DẤU CÔNG TY</p>



EMC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
LILAMA ERECTION MECHANICAL JSC
 Địa chỉ: Số 72E, Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình
 Tel: (84) 02293.871125 – Fax: (84) 02293.873.074
 Website: www.lilamaemc.com.vn



Số: 09/L35-ĐHĐCĐ-2018

Ninh Bình, ngày 14 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

(Về việc Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
 theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ
 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định pháp luật có liên quan;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 xem xét thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama theo dự thảo đính kèm.

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama được xây dựng phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và dựa trên Phụ lục số 02 – Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty cổ phần, ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua toàn văn và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt Đại hội đồng cổ đông ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama, làm cơ sở điều chỉnh hoạt động quản trị điều hành và các hoạt động SXKD.

Trân trọng!

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 CƠ KHÍ LẮP MÁY
 LILAMA
 TP. NINH BÌNH - T. NINH BÌNH
Lê Hữu Điều

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHĐCD-2018
ngày 24 tháng 04 năm 2018)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama – LILAMA EMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và bảo đảm Công ty hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ theo chuẩn mực, thông lệ tốt nhất, để Công ty đạt hiệu quả tối ưu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông (sau đây viết tắt là “ĐHĐCD”), Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là “HDQT”), Ban kiểm soát (sau đây viết tắt là “BKS”), Tổng giám đốc (sau đây viết tắt là “TGD”), Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý doanh nghiệp khác và các đơn vị, cá nhân có liên quan của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Các từ, cụm từ hoặc thuật ngữ sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như được giải thích trong Điều lệ Công ty, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý.

3. Đảm bảo HDQT, BKS, Ban điều hành (gồm TGD, các Phó TGD và Kế toán trưởng và người quản lý doanh nghiệp khác) thực hiện hoạt động quản trị, điều hành, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

4. Đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và những người có liên quan.

5. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông.

6. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.

7. Công khai, minh bạch trong hoạt động của công ty, đảm bảo việc công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 114, Điều 115 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Cổ đông có quyền được đối xir công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

3. Cổ đông có quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.

4. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hoạt động của ĐHĐCĐ thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản.

2. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập trong các trường hợp nhất định theo Điều lệ Công ty.

3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 7. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Công ty lập thông báo và công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ

đồng có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày chốt danh sách (ngày đăng ký cuối cùng).

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.

2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

a) Công ty lập thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ, đồng thời công bố thông tin theo quy định hiện hành.

b) Thông báo họp ĐHĐCĐ tối thiểu phải có các thông tin: Tên công ty, mã chứng khoán, mã số doanh nghiệp, người triệu tập, thời điểm chốt danh sách cổ đông; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp; các nội dung trong chương trình họp và địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải các tài liệu liên quan đến cuộc họp.

c) Tài liệu cuộc họp gồm: Chương trình họp; Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; Phiếu biểu quyết; Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; và các tài liệu khác liên quan đến cuộc họp... được đăng trên website của Công ty.

d) Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi đến các cổ đông theo phương thức: gửi trực tiếp (đối với cổ đông là người lao động đang làm việc tại công ty), theo yêu cầu riêng bằng văn bản của cổ đông (nếu có) hoặc gửi thư bảo đảm thông qua tổ chức bưu chính/chuyển phát đến địa chỉ liên hệ theo Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam phát hành (đối với cổ đông khác).

e) Cổ đông có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin về địa chỉ liên hệ và các thông tin khi thay đổi địa chỉ liên hệ của mình. Công ty không chịu trách nhiệm khi cổ đông không nhận được Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp: cổ đông từ chối nhận thông báo; cổ đông không cung cấp thông tin địa chỉ liên hệ hoặc địa chỉ liên hệ không đầy đủ, không chính xác; hoặc khi tổ chức bưu chính/chuyển phát từ chối gửi thông báo do địa chỉ liên hệ của cổ đông không đầy đủ, không rõ ràng (như thiếu thông tin về số nhà và đường phố hoặc thôn/xóm/bản...).

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

a) Cổ đông có quyền trực tiếp hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự ĐHĐCĐ. Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ theo hướng dẫn và biểu mẫu do Công ty phát hành kèm theo thông báo họp ĐHĐCĐ hoặc theo văn bản uỷ quyền hợp lệ khác.

b) Trước khi bắt đầu họp ĐHĐCĐ, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm tra các giấy tờ tùy thân, giấy tờ khác để đảm bảo tư cách tham dự của cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

c) Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội.

4. Cách thức bỏ phiếu:

a) Khi tiến hành đăng ký, cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết sẽ được cấp một Thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được uỷ quyền (trong trường hợp uỷ quyền) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

b) ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết từng nội dung theo điều hành của Chủ tọa.

c) Cổ đông có quyền được bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Yêu cầu và ý kiến biểu quyết bằng thư bảo đảm được Chủ tọa công bố tại đại hội.

5. Cách thức kiểm phiếu:

a) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b) Khi tiến hành biểu quyết, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định.

6. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

a) Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi biểu quyết vấn đề đó.

b) Nếu không nhất trí với ý kiến tổng kết của Chủ tọa, cổ đông phải có ý kiến ngay để tiến hành kiểm tra lại kết quả biểu quyết.

7. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

a) Cổ đông có quyền phản đối quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc phát biểu ý kiến và biểu quyết không tán thành theo điều hành của Chủ tọa.

b) Khi Chủ tọa thông báo kết quả biểu quyết, nếu phát hiện sai sót cổ đông có quyền có ý kiến ngay. Chủ tọa có trách nhiệm điều hành việc kiểm lại phiếu hoặc biểu quyết lại vấn đề đó.

c) Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ khác thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cuộc họp ĐHĐCĐ được Thư ký cuộc họp ghi chép, lập biên bản và được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội. Số lượng, thành viên Thư ký đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ chấp thuận trước khi tiến hành Đại hội.

b) Biên bản họp ĐHĐCĐ phải lập xong, Chủ tọa và Thư ký cùng ký tên, liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung biên bản và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

c) Hình thức, nội dung chủ yếu của biên bản, việc công bố thông tin và lưu trữ biên bản họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

a) Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu có liên quan khác trong cuộc họp ĐHĐCĐ được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

b) Cổ đông, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Toà án hoặc Trọng tài quyết định bác đơn yêu cầu thì chi phí liên quan do người yêu cầu chi trả. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ thì các chi phí có liên quan do Công ty chi trả và HĐQT sẽ quyết định trách nhiệm bồi hoàn chi phí cho Công ty đối với các tổ chức/cá nhân có sai phạm.

10. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

- Trình tự và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều lệ Công ty và pháp luật.

- Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b) Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

- Định hướng phát triển Công ty;

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

11. Các vấn đề khác:

a) Các chi phí cần thiết để triệu tập và tổ chức họp ĐHĐCĐ sẽ do Công ty chi trả. Các cổ đông phải tự chịu các chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí liên quan đến cá nhân cổ đông trong quá trình tham dự ĐHĐCĐ.

b) Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp

ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu

Điều 8. Chương trình làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm điều phối toàn bộ các công việc liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, bao gồm cả việc đề xuất chương trình và nội dung Đại hội để HĐQT thông qua, đảm bảo phù hợp với Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

2. Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên do Chủ tịch HĐQT chỉ đạo xây dựng và thông qua HĐQT, tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
- b) Thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- c) Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định HĐQT;
- d) Kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT;
- e) Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có);
- g) Kết quả giám sát đối với TGD;
- h) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- i) Các kế hoạch trong tương lai.

3. Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên do Trưởng BKS chỉ đạo xây dựng và thông qua BKS tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng Kiểm soát viên;
- b) Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;
- c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- d) Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGD và người điều hành khác;
- e) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.

4. Các nội dung khác trong chương trình họp ĐHĐCĐ do HĐQT chỉ đạo TGD và các bộ phận có liên quan xây dựng và thông qua HĐQT trước khi trình ĐHĐCĐ, gồm:

- a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Kế hoạch phát triển ngắn hạn, dài hạn của Công ty;
- c) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;

d) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD;

e) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán, trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật;

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty.

7. HĐQT chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp, căn cứ kết quả biểu quyết tại Đại hội để điều chỉnh phù hợp và thông qua ĐHĐCĐ trước khi bế mạc Đại hội.

Chương III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chuẩn sau:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty hoặc có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, cẩn trọng, trung thực, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

- Có thời gian và cam kết dành đủ thời gian để đảm trách nhiệm vụ thành viên HĐQT một cách có hiệu quả.

- Các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc do ĐHĐCĐ quyết định theo từng thời điểm cụ thể.

b) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị ngoài các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này còn phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán hiện hành có quy định khác:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị:

a) Trước khi tiến hành họp ĐHĐCĐ, nếu có nội dung bầu HĐQT nhiệm kỳ mới, hoặc bầu bổ sung thành viên HĐQT thì các thông tin cần thiết (số lượng thành viên dự kiến được bầu, dự kiến số lượng thành viên độc lập, điều kiện, tiêu chuẩn, cách thức, thời hạn đề cử/ứng cử và các biểu mẫu để thực hiện đề cử/ứng cử...) được HĐQT thông báo cho cổ đông có quyền dự họp cùng với thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.

b) Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp, có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT theo thông báo của HĐQT. Việc đề cử ứng viên HĐQT mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c) Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;

- Trình độ chuyên môn;

- Quá trình công tác;

- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;

- Các lợi ích có liên quan tới công ty và các thông tin khác (nếu có);

d) Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của cổ đông và công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

e) Các nội dung khác thực hiện của theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn

phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b) Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử.

c) Công ty ban hành Quy chế bầu cử và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT theo phương thức dồn phiếu và thông qua ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu HĐQT.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoặc không còn đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định hiện hành;

- Có đơn xin từ chức gửi đến Công ty;

- Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Bị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai lợi ích có liên quan đến nghĩa vụ của thành viên HĐQT;

- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Thông tin về bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên HĐQT được đăng tải trên website công ty và công bố thông tin theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

6. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi hồ sơ ứng cử, đề cử để bầu thành viên HĐQT cho Công ty theo thông báo về việc bầu HĐQT. Hồ sơ ứng cử, đề cử phải lập bằng tiếng Việt, gồm:

- Đơn ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT;

- Bản kê khai thông tin và các cam kết của người ứng cử hoặc người được đề cử;

- Biên bản thỏa thuận của nhóm cổ đông đề cử thành viên HĐQT (trường hợp nhóm cổ đông giới thiệu người bầu thành viên HĐQT);

- Bản sao chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chuyên môn và các giấy tờ khác của ứng viên (nếu có).

b) Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên như sau:

- Lựa chọn trong số cổ đông hoặc người lao động đang làm việc trong Công ty hoặc người khác có trình độ chuyên môn, năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp những người đáp ứng đủ các điều kiện và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT theo quy định;

- Ưu tiên lựa chọn ứng viên để có thể đảm bảo tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành trong cơ cấu thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty;

- Cơ chế HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp.

b) Thông báo họp gồm có chương trình, thời gian, địa điểm kèm theo các tài liệu liên quan và các phiếu biểu quyết cho những thành viên HĐQT không thể dự họp;

c) Thông báo mời họp được gửi trực tiếp, bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

a) Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

b) Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

3. Cách thức biểu quyết:

a) Thành viên HĐQT có quyền biểu quyết (hoặc người được ủy quyền) trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên HĐQT biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến từng nội dung theo điều hành của Chủ tọa.

c) Thành viên HĐQT có quyền được biểu quyết bằng thư bảo đảm khi có yêu cầu. Yêu cầu và ý kiến biểu quyết bằng thư bảo đảm được Chủ tọa công bố tại cuộc họp.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

a) HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành.

b) Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

c) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị:

a) Cuộc họp HĐQT được Thư ký cuộc họp ghi chép, lập biên bản và được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp. Thư ký cuộc họp do Chủ tọa giới thiệu từ một trong số các thành viên HĐQT hoặc Người phụ trách quản trị Công ty hoặc một người khác được HĐQT chấp thuận trước khi tiến hành cuộc họp.

b) Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.

c) Nghị quyết HĐQT được ban hành dựa trên cơ sở Biên bản họp với các nội dung đã được thông qua tại cuộc họp HĐQT và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc Chủ tọa cuộc họp HĐQT.

6. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:

Nghị quyết HĐQT được gửi đến BKS, TGD, các tổ chức cá nhân có liên quan trong vòng hai bốn (24) giờ để triển khai thực hiện, đồng thời lưu trữ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

7. HĐQT họp định kỳ hàng quý và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp HĐQT thường kỳ do Chủ tịch HĐQT triệu tập và làm chủ tọa với các nội dung chủ yếu sau:

a) Kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện công tác, nhiệm vụ quý trước;

b) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác, nhiệm vụ trong quý tiếp theo;

c) Xem xét thông qua các báo cáo và kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết HĐQT, ĐHCĐ và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGD.

d) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh trong kỳ.

8. Các vấn đề khác liên quan đến cuộc họp HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật.

Điều 11. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Khi thấy cần thiết HĐQT đề xuất ĐHCĐ thông qua để thành lập các

tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Trưởng tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng là một (01) thành viên độc lập HĐQT do HĐQT bổ nhiệm.

2. Trường hợp không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Chương IV

KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:

a) Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

b) Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:

a) Việc cổ đông, nhóm cổ đông đề cử, ứng cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT được quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên như sau:

- Lựa chọn trong số cổ đông hoặc người lao động đang làm việc trong Công ty hoặc người khác có trình độ chuyên môn là kế toán viên hoặc kiểm toán viên, những người đáp ứng đủ các điều kiện và tiêu chuẩn làm Kiểm soát viên theo quy định;

- Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên đề bầu vào BKS được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Cách thức bầu Kiểm soát viên:

a) Việc bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn

phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b) Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử.

c) Công ty ban hành Quy chế bầu cử và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu Kiểm soát viên theo phương thức dồn phiếu và thông qua ĐHĐCĐ trước khi tiến hành bầu BKS.

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

a) Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

- Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

Thông tin về bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Kiểm soát viên được gửi đến HĐQT, BKS các tổ chức và cá nhân có liên quan trong vòng hai mươi bốn (24) giờ; đồng thời được đăng tải trên website công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trừ trường hợp BKS có quy định khác phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty, cuộc họp của BKS sẽ thực hiện như sau:

1. Cuộc họp BKS đầu tiên của nhiệm kỳ BKS để bầu Trưởng ban và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử BKS nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01)

thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp BKS theo nguyên tắc đa số.

2. BKS họp định kỳ sáu (06) tháng một lần, ít nhất hai (02) lần trong một (01) năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Cuộc họp BKS thường kỳ do Trưởng BKS triệu tập và làm chủ tọa.

3. Các cuộc họp BKS được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác theo đề nghị của Trưởng BKS và được sự nhất trí của các Kiểm soát viên.

4. Thông báo họp BKS (trừ trường hợp họp bất thường) phải được gửi trước cho các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp BKS phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp BKS và các phiếu biểu quyết cho những Kiểm soát viên không thể trực tiếp dự họp.

Thông báo mời họp được gửi trực tiếp, bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

5. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD, đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm trong trường hợp cần thiết.

6. BKS thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số Kiểm soát viên có quyền biểu quyết dự họp (trên 50%). Trưởng họp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Trưởng BKS là phiếu quyết định.

7. Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định đó được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.

8. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng bằng tiếng Việt. Thư ký cuộc họp và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

9. Nghị quyết của BKS được ban hành trên cơ sở Biên bản họp với các nội dung đã được quyết định tại cuộc họp và được gửi đến HĐQT, TGD, các tổ chức cá nhân có liên quan trong vòng hai bốn (24) giờ để triển khai thực hiện, đồng thời lưu trữ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC

VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 14. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty hoặc có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp;

c) Có phẩm chất đạo đức tốt, cẩn trọng, trung thực, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc do HĐQT quyết định theo từng thời điểm cụ thể.

2. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

a) Bổ nhiệm Tổng giám đốc:

- HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm TGD Công ty.

- TGD không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Nhiệm kỳ của TGD không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

b) Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác:

- Theo đề nghị TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng, bổ nhiệm Kế toán trưởng, các Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác;

- Số lượng các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác do HĐQT quyết định phù hợp với cơ cấu tổ chức, quy mô, tình hình hoạt động của Công ty.

- Nhiệm kỳ của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp:

- HĐQT thông qua và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT hoặc TGD ký Hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.

- Hợp đồng lao động ký với TGD, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác phải tuân thủ Bộ luật Lao động và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao

động đối với TGD do HĐQT quyết định.

- Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.

- Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của TGD phải được báo cáo tại ĐHCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

4. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

a) Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoặc không còn đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này.

- Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của HĐQT.

b) Hội đồng quản trị miễn nhiệm TGD khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm TGD mới thay thế.

Theo đề nghị của TGD, HĐQT có thể miễn nhiệm Kế toán trưởng, Phó Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.

Thông tin bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm TGD, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành doanh nghiệp khác được gửi đến HĐQT, BKS các tổ chức và cá nhân có liên quan trong vòng hai mươi bốn (24) giờ; đồng thời được đăng tải trên website công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 15. Nguyên tắc chung

Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc được thực hiện trên nguyên tắc:

a) Luôn vì lợi ích chung của Công ty;

b) Tuân thủ Điều lệ, Quy chế nội bộ và pháp luật;

c) Hợp tác với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, cẩn trọng và thường xuyên trao đổi thông tin, giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có).

Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

1. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

a) Trường hợp HĐQT có mời BKS, TGD tham gia cuộc họp để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thì thông báo mời họp, nội dung tài liệu có liên quan sẽ được gửi đến BKS, TGD cùng với thời gian gửi đến các thành viên HĐQT.

b) Trường hợp BKS, TGD đề nghị tổ chức cuộc họp HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, thì đề xuất và tài liệu có liên quan bằng văn bản được gửi đến Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm xem xét, triệu tập cuộc họp HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

c) Biên bản cuộc họp HĐQT có sự tham gia của BKS, TGD nêu tại Điểm a Khoản 1 Điều này được lập như Biên bản cuộc họp HĐQT thông thường.

d) Biên bản cuộc họp giữa HĐQT với BKS, TGD nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này, được lập tương tự Biên bản cuộc họp HĐQT thông thường và có thêm chữ ký xác nhận của Kiểm soát viên, TGD tham gia cuộc họp.

e) Biên bản cuộc họp, nghị quyết của HĐQT về các vấn đề được quyết định tại cuộc họp như trên được gửi cho các thành viên HĐQT, BKS, TGD và các tổ chức cá nhân có liên quan trong vòng hai bốn (24) giờ để triển khai thực hiện, đồng thời lưu trữ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

- Tất cả các nghị quyết của HĐQT được gửi cho BKS trong vòng hai bốn giờ (24) giờ.

- Nghị quyết HĐQT được gửi trực tiếp, bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Trưởng Ban kiểm soát đã được đăng ký tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo và gửi nghị quyết của HĐQT cho các Kiểm soát viên khác (trừ khi BKS có yêu cầu khác bằng văn bản).

3. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc:

- Nghị quyết HĐQT được gửi trực tiếp, bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác cho Tổng giám đốc (hoặc người do Tổng giám đốc chỉ định bằng văn bản) để triển khai thực hiện.

- Nghị quyết HĐQT có nội dung thuộc bắt buộc phải công bố thông tin, hoặc theo yêu cầu của HĐQT phải công bố thông tin thì TGD có nghĩa vụ tổ chức thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật hiện hành.

4. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a) TGD trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mình, những vấn đề phát sinh cần phải có sự phê duyệt của HĐQT hoặc thuộc thẩm quyền của HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, TGD lập tờ trình (kèm theo các tài liệu có liên quan) gửi đến Chủ tịch HĐQT.

Thời hạn gửi tờ trình sớm nhất có thể để kịp thời giải quyết vấn đề có liên

quan, trường hợp nội dung đó cần phải có quyết định của HĐQT thì văn bản đề nghị cần gửi đến HĐQT không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó phải được quyết định.

b) Khi nhận định rằng quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty, TGD phải thông báo và giải trình ngay cho HĐQT đồng thời thông báo sự việc cho BKS.

TGD có quyền trì hoãn việc thực hiện quyết định nói trên đến khi có quyết định chính thức tiếp theo của HĐQT. Trường hợp HĐQT quyết định rằng TGD cần tiếp tục thực hiện Nghị quyết HĐQT thì TGD có trách nhiệm thực hiện và có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

c) BKS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mình, những vấn đề phát sinh cần thông qua hoặc thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, BKS lập văn bản đề nghị (kèm theo các tài liệu có liên quan) gửi đến Chủ tịch HĐQT.

Thời hạn gửi văn bản sớm nhất có thể để kịp thời giải quyết vấn đề có liên quan, trường hợp nội dung đó cần phải có quyết định của HĐQT thì văn bản đề nghị cần gửi đến HĐQT không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó phải được quyết định.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Tổng giám đốc hoặc Ban kiểm soát (trừ trường hợp có lý do chính đáng được người đề nghị chấp thuận). Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp nêu trên có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Báo cáo và kiểm điểm của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

a) TGD có nghĩa vụ lập báo cáo, đề xuất và các tài liệu khác bằng văn bản trình HĐQT phê chuẩn hoặc thông qua để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 35, Điều lệ Công ty. Chủ yếu gồm:

- Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;
- Các bản dự toán phục vụ quản lý dài hạn, hằng năm và hằng quý theo kế hoạch kinh doanh;
- Các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý;
- Các vấn đề khác.

b) TGD có nghĩa vụ báo cáo HĐQT bằng văn bản định kỳ hàng quý về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Thời hạn báo cáo quý trước phải gửi đến HĐQT trong vòng bảy (07) ngày đầu của tháng đầu quý tiếp theo. Nội dung báo cáo định kỳ hàng quý của TGD với HĐQT tối thiểu gồm:

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của TGD trong kỳ báo cáo về sản xuất kinh

doanh và công việc điều hành khác;

- Kế hoạch và biện pháp thực hiện nhiệm vụ của TGD về sản xuất kinh doanh và công việc điều hành khác trong kỳ tiếp theo;

- Kết quả và các giải pháp thực hiện Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ trong kỳ, kết quả thực hiện uỷ quyền của HĐQT (nếu có);

c) TGD có nghĩa vụ báo cáo các nội dung khác bằng văn bản khi HĐQT có yêu cầu.

d) HĐQT quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền do TGD đề xuất, thông qua các báo cáo và kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của HĐQT đối với TGD tại phiên họp thường kỳ hoặc tổ chức các phiên họp bất thường để thông qua các nội dung trên nếu thấy cần thiết.

6. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a) TGD phải báo cáo định kỳ và báo cáo theo yêu cầu cho HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều này.

b) TGD có trách nhiệm tham dự cuộc họp của BKS khi được yêu cầu để trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm theo quy định tại Khoản 5, Điều 13 Quy chế này.

c) Khi có yêu cầu, TGD có trách nhiệm cung cấp hoặc tạo điều kiện thuận lợi để các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên tiếp cận các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.

d) Yêu cầu cung cấp thông tin của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên được lập bằng văn bản, nêu rõ lý do, mục đích sử dụng, nội dung các thông tin cần cung cấp, cách thức nhận thông tin tài liệu gửi đến TGD.

TGD phải bảo đảm rằng các thông tin, tài liệu phải được cung cấp một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên. Trường hợp thông tin yêu cầu là có sẵn, thì phải được cung cấp trong vòng hai bốn (24) giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu, trường hợp thông tin cần tập hợp, thì thời hạn cung cấp là bảy (07) ngày kể từ thời điểm nhận được yêu cầu. Thời hạn cung cấp nói trên được tính từ thời điểm thông tin tài liệu được gửi đi hoặc giao trực tiếp cho người có yêu cầu.

Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật và chịu trách nhiệm về mục đích sử dụng các thông tin trên theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc:

a) Các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD theo chức năng quyền hạn và các nhiệm vụ cụ thể được phân công có trách nhiệm phối hợp với nhau trên tinh thần hợp tác vì lợi ích chung của Công ty trong hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát.

b) BKS phân công trách nhiệm, quy định phương thức hoạt động và phối hợp giữa các Kiểm soát viên theo đề nghị của Trưởng BKS để thực hiện chức năng nhiệm vụ của BKS.

c) TGD được quyền phân công hoặc ủy quyền cho các Phó TGD, Kế toán trưởng, người quản lý doanh nghiệp khác thực hiện các nhiệm vụ thuộc quyền hạn và trách nhiệm của TGD và quy định việc phối hợp công tác trong Ban điều hành.

d) HĐQT sử dụng nhân sự và trang thiết bị của Công ty để thực hiện các công việc của HĐQT. HĐQT thông báo bằng văn bản để yêu cầu TGD bố trí nhân sự và trang thiết bị phục vụ các hoạt động của HĐQT.

e) BKS có quyền đề xuất bằng văn bản và HĐQT, TGD có trách nhiệm bố trí các điều kiện cần thiết và hợp lý về nhân sự, trang thiết bị để BKS thực hiện nhiệm vụ của mình.

Chương VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 17. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

1. HĐQT sẽ quyết định cụ thể thời điểm cách thức đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác theo một hoặc một số phương thức sau:

- a) Cá nhân tự nhận xét đánh giá;
- b) Tập thể bỏ phiếu đánh giá, tín nhiệm;
- c) Vận dụng hoặc kết hợp thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước để thực hiện việc đánh giá cán bộ;
- d) Phương thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm cụ thể.

2. Tiêu chí đánh giá:

- a) Kết quả thực hiện công việc gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân gắn với sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị/bộ phận mình phụ trách;
- b) Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ, Quy chế nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật;
- c) Tinh thần học tập, rèn luyện nâng cao trình độ, ý thức tổ chức kỷ luật, khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý và tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao;

d) Ý thức và hiệu quả trong công tác chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm;

e) Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị và mức độ tin nhiệm của cán bộ công nhân viên.

3. Thẩm quyền đánh giá:

a) HĐQT giá hoạt động của các thành viên HĐQT, TGD;

b) HĐQT đánh giá hoạt động của các Phó TGD, Kế toán trưởng và người quản lý doanh nghiệp khác do HĐQT bổ nhiệm sau khi tham khảo ý kiến của TGD;

c) BKS đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên;

4. Xếp loại đánh giá:

Căn cứ kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên HĐQT, BKS, TGD và người quản lý doanh nghiệp khác được phân loại như sau:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

b) Hoàn thành nhiệm vụ;

c) Không hoàn thành nhiệm vụ.

5. HĐQT cũng có thể quyết định sử dụng kết quả đánh giá của cơ quan cấp trên hoặc của Đảng bộ Công ty hoặc một cuộc đánh giá khác trong năm để xếp loại cán bộ mà không cần thực hiện cuộc một cuộc đánh giá riêng biệt như trên.

6. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và cán bộ quản lý khác được dùng làm căn cứ để phục vụ quá trình khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại... theo quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 18. Khen thưởng

1. Thành viên HĐQT, BKS, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng.

2. Tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục và hình thức khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty tại từng thời điểm, phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Kỷ luật

1. Thành viên HĐQT, BKS, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ khác của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo Nội quy lao động, quy chế nội bộ, quy định kỷ luật Đảng và pháp luật.

Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích công ty, cổ đông hoặc người khác phải bồi thường theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

2. HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do

HDQT bổ nhiệm. TGD có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do TGD bổ nhiệm.

Chương VIII

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 20. Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 32 Điều lệ Công ty.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.

b) Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể tái bổ nhiệm với nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

c) Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị do Hội đồng quản trị quyết định.

3. HDQT thông báo cho BKS, TGD và các đơn vị cá nhân có liên quan việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty và cách thức phối hợp trong công tác quản trị.

Chương IX

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 21. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên HDQT, Kiểm soát viên, TGD và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 22. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 23. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

3. Công ty không cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp:

a) Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;

b) Pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận,

Công ty không thực hiện giao dịch sau:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, TGD, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại Điểm b Khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

Điều 24. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

2. Công ty tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

Chương X

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 25. Nghĩa vụ công bố thông tin

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo việc Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:

1. Nguyên tắc công bố thông tin:

a) Công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng.

b) Công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cô đọng và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 26. Tổ chức Công bố thông tin

1. HĐQT xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. TGD chỉ định và ủy quyền cho một (01) nhân viên công bố thông tin để thực hiện việc công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định hiện hành. Nhân viên công bố thông tin của có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

Chương XI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này gồm 11 chương 27 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của Công ty trái với quy chế này hết hiệu lực thì hành.

2. Khi có sự khác biệt giữa Quy chế này so với Điều lệ Công ty hoặc Pháp luật về cùng một vấn đề thì Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật được ưu tiên áp dụng.

3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do ĐHCĐ quyết định./.

Ninh Bình, ngày 24 tháng 04 năm 2018

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



EMC

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CP CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
LILAMA ERECTION MECHANICAL JSC
 Địa chỉ: Số 72E, Hoàng Diệu, TP Ninh Bình, Ninh Bình
 Tel: (84) 02293.871125 – Fax: (84) 02293.873.074
 Website: www.lilamaemc.com.vn



Số: 10/L35-DHĐCĐ-2018

Ninh Bình, ngày 12 tháng 4 năm 2018

TỜ TRÌNH

(Về việc Thông qua Nội dung bổ sung, điều chỉnh “Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama”)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các quy định pháp luật có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Nội dung điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2025 của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 11/NQ-DHĐCĐ-2016 ngày 26/04/2016.

Việc điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cấu trúc Công ty phù hợp với những thay đổi trong tình hình mới theo chủ trương, định hướng chiến lược của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, nhằm nâng cao năng lực, sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama.

Toàn văn “Nội dung điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025” (đính kèm).

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua để tổ chức thực hiện. Trân trọng!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

ĐỀ ÁN TÁI CẤU TRÚC VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA GIAI ĐOẠN 2016 – 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 và các văn bản pháp luật liên quan;
- Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 17/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 – 2015”;
- Căn cứ Quyết định 715/QĐ-BXD ngày 18/06/2015 của Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015, định hướng đến năm 2020;
- Căn cứ Văn bản số 2037/QĐ-BXD ngày 31/08/2017 của Bộ Xây dựng về việc thông qua Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị của LILAMA giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025.
- Căn cứ Nghị quyết 343/NQ-HĐQT ngày 06/09/2017 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP về việc phê duyệt Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị của LILAMA giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025.
- Căn cứ Quyết định số 347/QĐ-HĐQT ngày 07/09/2017 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP về việc phê duyệt Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị của LILAMA giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025.
- Thực hiện Công văn số 355/TCT-HĐQT ngày 12/09/2017 của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP về việc chỉnh sửa Đề án tái cấu trúc các công ty thành viên.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama (LILAMA EMC - Sau đây gọi là Công ty) phù hợp với Đề án tái cấu trúc được điều chỉnh của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama tiếp thu, điều chỉnh, bổ sung “Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025” (sau đây gọi tắt là: Đề án) .

Nội dung bổ sung, điều chỉnh cụ thể như sau:

Phần I**THỰC TRẠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA**

1. Giữ nguyên các nội dung đánh giá chung theo “Đề án tái cấu trúc nâng cao năng lực quản trị giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020” đã được LILAMA phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

2. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

2.1. Cập nhật thực trạng về lao động tính đến 31/12/2016.

(Chi tiết theo Phụ lục 2B)

2.2. Cập nhật tình hình tài chính tính đến ngày 31/12/2016.

(Chi tiết theo Phụ lục 12B)

2.3. Cập nhật tình hình nợ vay và lãi suất tín dụng tính đến 31/12/2016.

(Chi tiết theo Phụ lục 10B và Phụ lục 11B)

2.4. Cập nhật danh mục thiết bị đã đầu tư giai đoạn 2007-2016.

(Chi tiết xem Phụ lục 15B)

Phần 2**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TÁI CẤU TRÚC**

(Từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông thông qua đến 30/06/2017)

1. Về ngành nghề kinh doanh:

- Đã tiến hành sắp xếp các nguồn lực, đầu tư trang thiết bị, nghiên cứu phát triển theo định hướng lĩnh vực kinh doanh chính là:

Sản xuất, thi công chuyên sâu nhóm ngành EPC điện (Điện than, Thủy điện, Phong điện, Điện khí, Điện khác...) trong đó gồm các hoạt động: (1) Lắp đặt thiết bị cơ điện; (2) Chế tạo thiết bị cơ khí; (3) Sửa chữa bảo trì máy móc, thiết bị.

- Đã củng cố hoạt động đấu thầu, chào giá, mở rộng thị trường. Với các công trình dự án đang thi công dở dang và các hợp đồng mới ký kết, Công ty cơ bản đáp ứng việc làm để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2017, làm cơ sở xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2018.

- Năm 2016, đã thực hiện các chỉ tiêu cơ bản trong Kế hoạch tài chính giai đoạn 2014 – 2020 trong Đề án, kết quả cụ thể như sau:

+ Tổng tài sản 243,637 tỷ đồng = 141% so với kế hoạch của Đề án;

- + Doanh thu đạt 236,154 tỷ đồng = 140% so với kế hoạch của Đề án;
- + Lợi nhuận trước thuế đạt 3,142 tỷ đồng = 74% so với kế hoạch của Đề án;
- + Lợi nhuận sau thuế đạt 2,501 tỷ đồng = 74% so với kế hoạch của Đề án.

- Hoàn thành kế hoạch SXKD 09 tháng đầu năm 2017, trong đó chỉ tiêu Doanh thu thực hiện 09 tháng đầu năm 2017 đạt 130,74 tỷ đồng, bằng 66% kế hoạch năm 2017 của Đề án.

- Dự kiến hoàn thành 100% Kế hoạch SXKD cả năm 2017 đã được phê duyệt.

2. Về tài chính:

- Tiếp tục củng cố bộ phận làm công tác thu hồi công nợ, lập kế hoạch và phân công trách nhiệm các thành viên, tiến hành quyết liệt việc thu hồi nợ, hiện tại công tác thu hồi nợ đã có nhiều chuyển biến tích cực.

+ Công ty đã thu hồi dứt điểm công nợ còn tồn đọng ở một số công trình đã thi công xong với tổng số tiền 11,3 tỷ đồng, bao gồm: Xi măng Sài Sơn (1,8 tỷ đồng), Xi măng Thăng Long (5,8 tỷ đồng), Mía đường Lam Sơn (3,7 tỷ đồng).

+ Thực hiện quyết liệt việc quyết toán các công trình dự án cũ đã thi công xong như Xi măng Bút Sơn, X18, X77 để thu hồi nợ tồn đọng... Đồng thời tiến hành việc quyết toán nội bộ.

- Đã tái cơ cấu các khoản nợ vay theo chính sách giảm lãi suất của tổ chức tín dụng: Mức lãi suất vay vốn ngắn hạn hiện tại là 8,45%/năm - 9,5%/năm, giảm so với mức 9,5% - 10%/năm giai đoạn 2014 - 2016.

3. Về mô hình tổ chức:

- Sắp xếp lại các đơn vị sản xuất trực thuộc theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối. Cụ thể: Sáp nhập, cơ cấu lại các đơn vị sản xuất hiện có để hình thành các đơn vị sản xuất có quy mô lớn hơn với nhân sự ổn định để đáp ứng hiệu quả công tác thi công, cụ thể gồm:

- + Nhà máy chế tạo thiết bị & Kết cấu thép tại Ninh Bình;
- + Đội cơ khí sửa chữa tại Tam Điệp;
- + Đội Cơ khí Lắp máy Số 1 tại Thanh Hoá;
- + Đội Cơ khí Lắp máy Số 2 tại Thái Bình;
- + Đội Cơ khí Lắp máy Số 3 tại Hà Nam.
- + Đội Cơ khí Lắp máy Số 5 tại Sóc Trăng và Hậu Giang.

- Sắp xếp, tinh giảm lực lượng gián tiếp cho phù hợp với chuyên môn, năng lực và nhu cầu công việc.

- Sắp xếp, bố trí lại lực lượng Công nhân Kỹ thuật theo kỹ năng nghề, sở trường công tác và bố trí công việc phù hợp năng lực;

- Thực hiện kèm cặp, đào tạo tại chỗ, cử đi đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho CBCNV...

4. Về quản trị:

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo việc xây dựng, điều chỉnh và phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2016 - 2017 và từng quý phù hợp với các mục tiêu của Đề án tái cấu trúc;

- Hội đồng quản trị đã Phê duyệt, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016 – 2020 phù hợp với định hướng ngành nghề SXKD chính;

- Hội đồng quản trị đã phân công trách nhiệm quản lý các lĩnh vực chuyên môn cho các thành viên HĐQT;

- Sửa đổi và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014;

- Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống Quy chế/Quy định phục vụ công tác quản lý nội bộ, gồm: (1) Quy chế Quản trị Công ty; (2) Quy chế tổ chức bộ máy; (3) Quản lý tài chính; (4) Quy chế quản lý nợ; (5) Quy chế bổ nhiệm; (6) Quy chế trả lương; (7) Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ tình nghĩa; (8) Quy định giao khoán; (9) Quy định công tác Tổ chức Hành chính và Lao động tiền lương; (10) Quy định quản lý và sử dụng xe ô tô con, xe ca; (11) Quy định mua sắm và cung ứng vật tư, hàng hoá; (12) Quy định quản lý và sử dụng thiết bị thi công; (13) Quy định công tác an toàn, vệ sinh lao động...

- Xây dựng ban hành mới (1) Quy chế văn hoá doanh nghiệp; (2) Quy định về việc đánh giá xếp loại hàng năm đối với CBCNV; (3) Quy chế Công bố thông tin; (4) Quy chế quản lý đầu tư.

Trong quá trình thực hiện Đề án, Ban chỉ đạo Tái cấu trúc thường xuyên tiến hành rà soát, điều chỉnh kế hoạch triển khai và các mục tiêu từng giai đoạn phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phần 3
ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025
(Điều chỉnh, bổ sung)

1. Tầm nhìn và sứ mệnh

- Tầm nhìn: Xây dựng Công ty trở thành một đơn vị mạnh của Tổng công ty LILAMA; là nhà thầu chuyên sâu vào nhóm ngành EPC điện (Điện than, Thủy điện, Phong điện, Điện khí...) và các lĩnh vực có liên quan.

- Sứ mệnh: Góp phần tích cực trong việc hoàn thành sứ mệnh chung mà Tổng công ty LILAMA đã xây dựng và hoạch định. Nâng cao năng lực cạnh tranh, chuẩn hoá các hệ thống quản lý; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ để thoả mãn toàn diện yêu cầu của khách hàng, đủ điều kiện để tham gia vào các dịch vụ trong chuỗi giá trị sản phẩm liên kết toàn cầu.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát:

- Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý để hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao hơn với lộ trình phù hợp, không gây nhiễu loạn trong sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng Công ty thành một đơn vị mạnh, có quy mô lớn hơn, có trình độ công nghệ cao hơn, trình độ quản lý chuyên nghiệp hơn và chuyên môn hóa theo ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh và khoa học công nghệ, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Tích cực tham gia vào các dự án do LILAMA làm thầu chính, đồng thời mở rộng thị trường do công ty trực tiếp ký kết với vai trò độc lập, phấn đấu đến năm 2020 trong cơ cấu doanh thu: 15 - 20% doanh thu thực hiện từ hợp đồng với Tổng công ty LILAMA, doanh thu còn lại do Công ty tự tìm kiếm từ thị trường bên ngoài.

- Tăng thị phần và doanh thu chế tạo, lắp đặt thiết bị từ các dự án Điện, tiếp cận và từng bước tăng thị phần dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và chế tạo thiết bị thay thế ở các nhà máy điện, chú trọng thị trường các nhà máy, công trình trong khu vực tỉnh Ninh Bình và các tỉnh lân cận.

- Tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng vào trong giai đoạn 2021 - 2025 để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.

- Tăng trưởng Tổng doanh thu bình quân hàng năm giai đoạn 2021 – 2025 đạt từ 07 – 10 %, tổng giá trị doanh thu đến cuối năm 2025 đạt từ 370 tỷ đồng.

- Tăng trưởng lợi nhuận bình quân hàng năm giai đoạn 2018 – 2025 từ 20% - 40%, đến cuối năm 2025 lợi nhuận trước thuế đạt từ 11 tỷ đồng.

2.3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu đến năm 2017:

- Doanh thu	:	202,9 tỷ đồng
- Nộp ngân sách	:	8,0 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	1,55 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	:	2,65 %
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	:	0,56 %
- Thu nhập bình quân	:	8,35 triệu đồng/người/tháng
- Tổng số lao động	:	779 người

2.4. Các chỉ tiêu định hướng đến năm 2025:

- Doanh thu	:	370 tỷ đồng
- Nộp ngân sách	:	29,1 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	11 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	:	17,26 %
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	:	3,77 %
- Tổng số lao động	:	1.200 người
- Thu nhập bình quân	:	10 triệu đồng/người/tháng

3. Nội dung chiến lược phát triển của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

3.1. Chiến lược tăng trưởng tập trung:

Công ty tập trung phát triển chuyên sâu vào nhóm ngành EPC điện, gồm: Lắp đặt thiết bị cơ điện, gia công chế tạo thiết bị cơ khí và dịch vụ sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng.

Thực hiện chiến lược tăng trưởng tập trung qua 2 giai đoạn cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2016 – 2020: Hoàn thành các công trình đang thi công, củng cố và gia tăng thị phần khu vực miền Trung và miền Bắc đối với các dự án ngành năng lượng, sản xuất vật liệu xây dựng, lọc hóa dầu, đạt mục tiêu doanh thu tối thiểu 225 tỷ đồng vào năm 2020.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Trên cơ sở kết quả thực hiện giai đoạn trước, tiếp tục tập trung đầu tư phát triển, tạo tiền đề để Công ty hoạt động chuyên sâu trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất thi công các dự án nhiệt điện, thủy điện, phong điện, điện khí..., tạo lợi thế cạnh tranh đối với các dự án trong nước với vai trò nhà thầu độc lập, đạt mục tiêu doanh thu tối thiểu 370 tỷ đồng vào năm 2025.

3.2. Chiến lược lợi nhuận:

- Trong giai đoạn đầu từ 2016 – 2020: Tiếp tục củng cố năng lực và thương hiệu, ưu tiên tăng quy mô về lao động, nâng cao năng lực thiết bị thi công, nâng cao năng suất lao động, mở rộng thị trường để tăng doanh thu, duy trì tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu từ 3 - 5%.

- Giai đoạn sau từ năm 2021 – 2025: Nâng tầm thương hiệu Công ty, cải thiện hiệu quả hoạt động, nâng cao lợi nhuận, phấn đấu đến năm 2025 đạt tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tối thiểu 15 % .

4. Giải pháp thực hiện thành công chiến lược:

Để thực hiện thành công chiến lược và các mục tiêu đề ra, giải pháp đặt ra là Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama phải tiến hành tái cấu trúc toàn diện, trong đó tập trung vào các nội dung chính sau:

- Tái cấu trúc ngành nghề kinh doanh, nâng cao năng lực đấu thầu để mở rộng thị trường, tăng doanh thu, tăng quy mô hoạt động.

- Cải tiến các quy trình hoạt động, lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất.

- Hoàn thiện cấu trúc, nâng cao năng lực quản trị.

- Đầu tư khoa học công nghệ và phát triển các nguồn nhân lực.

Phần 4
NỘI DUNG TÁI CẤU TRÚC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LẮP MÁY LILAMA
(Điều chỉnh, bổ sung)

I - GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Tái cấu trúc ngành nghề kinh doanh

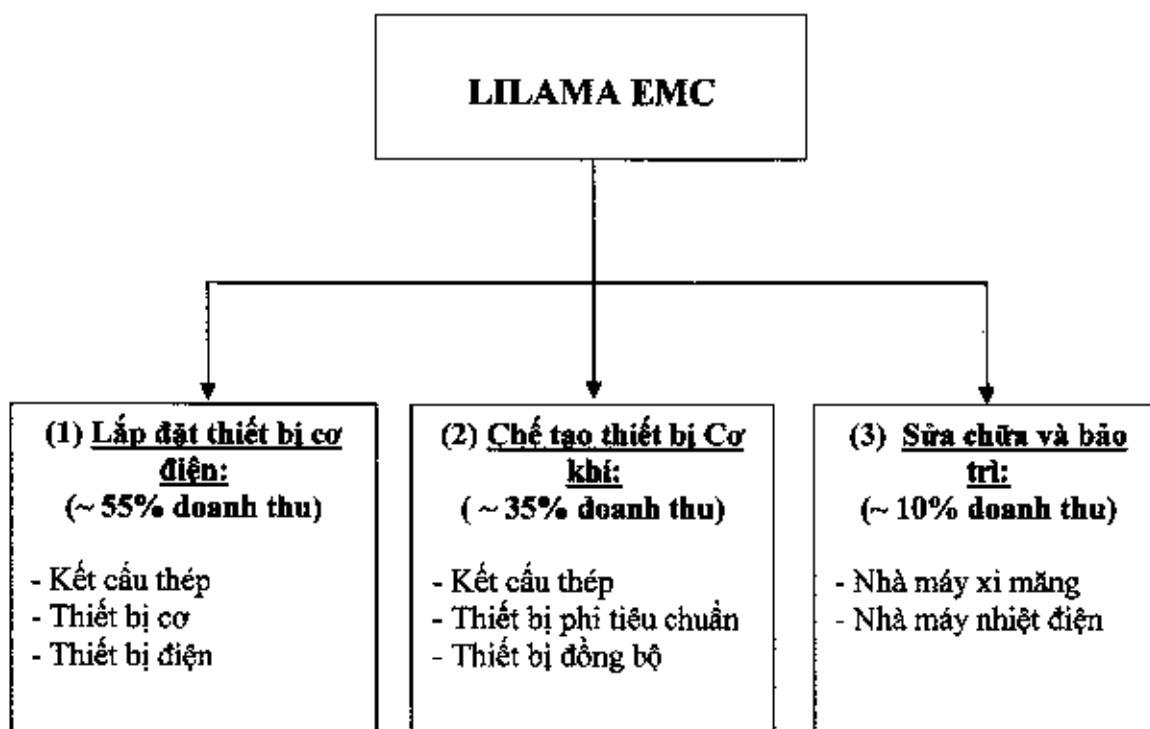
1.1. Các ngành nghề kinh doanh chính:

Để không gây xáo trộn trong hoạt động nhưng vẫn đảm bảo được mục tiêu tái cấu trúc, trong giai đoạn này Công ty tiếp tục duy trì triển khai các hợp đồng hiện có và trong tương lai gần, gồm các dự án nhiệt điện, thủy điện, lọc hóa dầu, xi măng, vôi hoá... từng bước tham gia thi công chuyên sâu vào các dự án điện trong nước. Đây là giai đoạn chuyển tiếp, tạo tiền đề vững chắc để xây dựng và củng cố vị trí, nâng cao tiềm lực về mọi mặt, theo đuổi mục tiêu chuyên môn hóa lĩnh vực trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo, đó là trở thành nhà thầu thi công chuyên sâu nhóm ngành EPC điện.

Hiện tại, với các Hợp đồng thi công hiện có, thị trường và các đối tác tiềm năng đang tiếp cận là các dự án nhiệt điện đốt than, thủy điện, dầu khí, hóa chất, vật liệu xây dựng... Công ty xác định cần tiếp tục duy trì các lĩnh vực sản xuất nhóm ngành trên để chuẩn bị đủ nguồn lực, tích lũy kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật, nhân lực, tài chính... nhằm định hướng theo ngành nghề kinh doanh chính trong tương lai theo định hướng chiến lược của LILAMA.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh gồm (1) Lắp đặt thiết bị cơ điện (2) Chế tạo thiết bị Cơ khí (3) Sửa chữa và bảo trì.

1.2. Cơ cấu về doanh thu các hoạt động sản xuất kinh doanh:



(1) Lắp đặt thiết bị cơ điện:

Sản phẩm chính ở đây bao gồm lắp đặt kết cấu thép, thiết bị cơ điện cho các dự án, trong đó chú trọng nâng cao năng lực thi công các công việc có yêu cầu kỹ thuật và độ chính xác cao như lắp đặt bồn bể, ống áp lực, hệ thống xử lý nước, thải xi, xử lý khí thải, lọc bụi, trạm điện, hệ thống điện...

(2) Chế tạo thiết bị cơ khí:

Sản phẩm chính ở đây bao gồm kết cấu thép dân dụng và công nghiệp, thiết bị phi tiêu chuẩn, thiết bị đồng bộ cho các dự án: lò quay, vỏ máy nghiền, kết cấu thép nhà máy xi măng; xử lý khí thải, lọc bụi, bồn bể nhà máy nhiệt điện; đường ống áp lực, hệ thống van công dẫn dòng, đập tràn và các thiết bị cho nhà máy thủy điện...

(3) Sửa chữa, bảo trì:

Sửa chữa, bảo trì, sản xuất các thiết bị thay thế cho nhà máy xi măng, nhiệt điện và các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng...

2. Tái cấu trúc doanh nghiệp**a) Tái cấu trúc sở hữu:**

Thoái toàn bộ phần vốn thuộc sở hữu của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP tại Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama.

b) Cập nhật, điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch tài chính giai đoạn 2016-2020. *(Chi tiết theo Phụ lục 16B)*

3. Tái cấu trúc quản lý

a) Giữ nguyên các nội dung như Đề án đã được thông qua.

b) Điều chỉnh mô hình tổ chức bộ máy giai đoạn 2016-2020.

(Chi tiết xem Phụ lục 17B)

4. Tái cấu trúc quản trị: Giữ nguyên các nội dung như Đề án đã được thông qua.

5. Quản trị sự thay đổi: Giữ nguyên các nội dung như Đề án đã được thông qua.

II - GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**1. Tái cấu trúc ngành nghề kinh doanh**

Công ty xác định ngành nghề kinh doanh chính là: Thực hiện nhiệm vụ sản xuất, thi công chuyên sâu nhóm ngành EPC điện (Điện than, Thủy điện, Phong điện, Điện khí, Điện khác...).

Sau khi thực hiện bước chuyển đổi từ lĩnh vực sản xuất hiện có, cùng có thêm tiềm lực tài chính, năng lực thiết bị, kỹ thuật Công ty sẽ tập trung phát triển

để trở thành nhà thầu thi công chuyên sâu nhóm ngành EPC điện (Điện than, Thủy điện, Phong điện, Điện khí...). Hình thành 02 lĩnh vực hoạt động SXKD chính là: (1) Nhà thầu EPC điện; (2) Sửa chữa, bảo trì các nhà máy điện.

Các giải pháp cụ thể:

(1) Nhà thầu EPC điện:

- Cùng cố hơn nữa vị thế hiện tại và đẩy mạnh xây dựng các năng lực cốt lõi theo hướng tập trung vào các dự án điện theo định hướng của Tổng công ty LILAMA;

- Phát triển năng lực thi công xây lắp theo hướng chuyên môn hóa cao, có thể đảm nhận thi công tất cả các hạng mục của một công trình/dự án;

- Đầu tư chiều sâu trong lĩnh vực cơ khí chế tạo, phát triển năng lực chế tạo kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn và thiết bị đồng bộ cho các dự án do LILAMA hoặc đơn vị thành viên LILAMA làm EPC và các dự án khác do Công ty đảm nhận.

- Từng bước tham gia vào chuỗi liên kết toàn cầu để cung cấp các bộ phận, chi tiết hoặc hàng hóa trung gian cho LILAMA và các đối tác khác.

- Phát triển năng lực đấu thầu và lập dự toán để có thể thắng thầu với tỷ suất lợi nhuận cao đối với các công trình có quy mô trung bình trong nước.

(2) Sửa chữa và bảo trì các nhà máy điện:

- Nâng cao uy tín trong công tác sửa chữa, bảo trì bằng việc thực hiện tốt nhất các cam kết với khách hàng về chất lượng, tiến độ.

- Mở rộng quy mô và đối tác khách hàng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và khu vực lân cận.

- Đào tạo bổ sung nguồn nhân lực phục vụ công tác sửa chữa bảo trì, đầu tư trang thiết bị đặc thù để chiếm lĩnh thị trường sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy điện như: nhiệt điện, thủy điện... khu vực Bắc miền trung và Miền Bắc.

2. Tái cấu trúc tài chính

- Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ từ 32,6 tỷ đồng lên khoảng 50 tỷ đồng trong giai đoạn 2021 - 2025 để bổ sung vốn lưu động và đầu tư máy móc thi công.

+ Dự kiến giá chào bán: 10.000 - 12.000 đồng /01 cổ phiếu

+ Phương thức chào bán: Theo quy định của Luật chứng khoán.

Việc thực hiện tăng vốn thực hiện sau khi Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP thoái toàn bộ vốn tại Công ty.

(Dự kiến Biến động về tổng nguồn vốn và tổng tài sản theo: Phụ lục 16B2)

- Tận dụng sự hỗ trợ của Tổng công ty LILAMA để xây dựng phát triển khoa học kỹ thuật, năng lực sản xuất trọng yếu nhằm đảm nhận toàn diện vai trò nhà thầu thi công cho các dự án điện theo ngành nghề chính được xây dựng.

- Cân đối các nguồn vốn để đầu tư và tăng cường năng lực sản xuất, chế tạo cơ khí, chế tạo thiết bị để tiến tới chế tạo các sản phẩm công nghiệp, đặc biệt các dự án nhóm ngành EPC điện có chất lượng, hàm lượng khoa học công nghệ cao, đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty và mục tiêu phát triển chung của LILAMA.

(Danh mục thiết bị đầu tư giai đoạn 2016 – 2025: Phụ lục 15B)

- Thu xếp nguồn vốn trung dài hạn để thực hiện triển khai dự án đầu tư xây dựng “Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép”.

(Kế hoạch tài chính giai đoạn 2021 – 2025: Phụ lục 16B2)

3. Tái cấu trúc quản lý

a) Giữ nguyên các nội dung Tái cấu trúc quản lý như Đề án đã được thông qua.

b) Điều chỉnh mô hình tổ chức bộ máy giai đoạn 2021-2025.

(Chi tiết theo: Phụ lục 17B)

4. Tái cấu trúc quản trị

- Xây dựng hệ thống quản trị công ty theo thông lệ quốc tế, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán.

- Ban hành và áp dụng các quy chế, quy định quản trị nội bộ theo nguyên tắc đảm bảo sự minh bạch, công bằng và tính trách nhiệm, bao gồm:

- + Cơ cấu và thành phần của Hội đồng quản trị;
- + Cơ cấu và thành phần của Ban kiểm soát;
- + Cơ cấu và thành phần của Ban điều hành;
- + Chiến lược lập kế hoạch và kiểm soát;
- + Quản lý rủi ro và tuân thủ;
- + Công khai minh bạch lợi ích của các bên liên quan;
- + Trách nhiệm với xã hội, môi trường và đạo đức.

- Xây dựng bộ quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ công nhân viên phải luôn tuân thủ giá trị chung, được hệ thống hóa trong bộ quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp.

- Tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả công tác quản trị trong các lĩnh vực chính: quản lý chiến lược và danh mục đầu tư, quản lý hiệu quả hoạt động và quản lý nhân sự, cụ thể:

+ Xây dựng kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm phù hợp với tình hình của đơn vị;

+ Xây dựng và thực hiện đầu tư và hợp tác đầu tư thận trọng;

+ Duy trì các phiên họp định kỳ để đánh giá kết quả hoạt động, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành; giám sát việc tuân thủ Luật pháp và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

+ Thực hiện công tác quản lý sâu đến cấp cơ sở, quản lý tốt chi phí để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD.

+ Thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin và công tác quan hệ cổ đông.

(2) Ban quản trị rủi ro:

- Ban Quản trị rủi ro trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc HĐQT liên quan đến công tác quản trị rủi ro. Tập trung vào các chức năng chính là nhận diện, đo lường, quản lý, kiểm soát ngăn ngừa toàn diện các rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty, gồm:

+ Xây dựng chính sách chung về quản trị rủi ro toàn Công ty;

+ Nhận diện và phân loại rủi ro;

+ Xây dựng quy trình quản lý các rủi ro.

+ Ngăn ngừa và kiểm soát rủi ro.

- Phân tích, đánh giá rủi ro và báo cáo Hội đồng quản trị các phương án ứng phó rủi ro: né tránh rủi ro, chấp nhận rủi ro, giảm thiểu rủi ro hoặc chuyển rủi ro.

- Báo cáo định kỳ về rủi ro: phân tích rủi ro, kế hoạch ứng phó, tình hình triển khai, các điều chỉnh nếu cần thiết;

- Rà soát, đánh giá hiệu quả và sự phù hợp của quy trình, quy định quản trị rủi ro để có các điều chỉnh thích hợp;

- Kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục các sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

5. Quản trị sự thay đổi: Giữ nguyên các nội dung về các giải pháp chung để quản trị sự thay đổi như Đề án đã được thông qua.

Phần 5
ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT

Trên đây là “Nội dung điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị của Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Lilama giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”. Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua để triển khai thực hiện.